

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 3

Sa-môn Đạo Nguyên đời Tống soạn

SÁU TỔ TRUNG HOA:

Gồm cả các tôn túc bồng xuất cộng chung 25 người:

*Tổ thứ 28 (Sơ Tổ Trung Hoa) Bồ Đề Đạt Ma bồng xuất 3 người:
(không ghi chép).

1. Thiên sư Đạo Dục.
2. Thiên sư Đạo Phó.
3. Ni Tổng Trì.

*Tổ thứ 29 (Tổ thứ hai Trung Hoa) Huệ Khả bồng xuất 6 đời cộng 17 người, ba người được ghi chép:

- Thiên sư Tăng Na.
- Hương cư sĩ.
- Thiên sư Tuệ Mãn ở Tương Châu.

Thiên sư Hiện Sơn Thần Định

Thiên sư Bảo Nguyệt Cư sĩ Huệ Nhân

Đại sĩ Hóa công

Hòa công

Cư sĩ Liêu

Cư sĩ Huệ Nhân xuất một người: Đàm Thúy.

Đàm Thúy phục xuất ba người:

Diên Lăng Tuệ Giải.

Bành Thành Tuệ Sai.

Tuệ Cương chùa Định Lâm.

Tuệ Cương phục xuất một người: Lục Hiệp Đại Giác.

Đại Giác phục xuất một người: Cao Bru Đàm Ảnh.

Đàm Ảnh phục xuất một người: Thái Sơn Minh Luyện.

Minh Luyện phục xuất một người: Dương Châu Tĩnh Thái.
(Cộng chung 14 người không ghi chép).

*Tổ thứ 30 (Tổ thứ ba Trung Hoa) Tăng Xán.

*Tổ thứ 31 (Tổ thứ tư Trung Hoa) Đạo Tín bàn xuất 76 người.

*Tổ thứ 32 (Tổ thứ năm Trung Hoa) Hoằng Nhẫn bàn xuất 178 người.

TỔ SƯ ĐÔNG ĐỘ

SƠ TỔ ĐẠI SƯ BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Sơ Tổ Đại Sư Bồ Đề Đạt Ma là vương tử thứ ba của vua Hương Chí, miền Nam Thiên Trúc, thuộc dòng Sát-đế-lợi, chính tên là Bồ Đề Đa La. Sau đó, ngài gặp Tổ thứ 27 - Bát Nhã Đa La, đến nước này và được vua cha thỉnh Tổ vào cung cúng dường. Tổ biết sư có căn cơ nên dùng bảo châu của vua ban để ngài biện luận cùng hai anh, trình bày điều tâm yếu.

Rồi đó, Tôn giả bảo cùng ngài:

- Đối với các pháp ông đều thông suốt. Nay, đạt-ma có nghĩa là thông đạt, vậy nên lấy tên là Đạt Ma.

Nhân đó, ngài đổi tên lại là Bồ Đề Đạt Ma.

Đạt Ma bạch với Tôn giả:

- Con đã được pháp, vậy nên đi xứ nào để làm Phật sự, xin thầy thương mà chỉ dạy.

Tôn giả nói:

- Ông tuy được pháp nhưng chưa thể đi xa, chỉ nên ở lại Nam Thiên đợi sau khi ta nhập diệt 67 năm hãy đến Trung Hoa, truyền bá Chánh pháp đại thừa cho kẻ có căn trí thâm cao, chẳng nên đi sớm, e sau này suy vi nhanh.

Tổ lại hỏi:

- Xứ ấy có Đại sĩ kham làm pháp khí không ? Một ngàn năm sau có nạn gì không ?

Tôn giả nói:

- Ông hóa đạo nơi ấy, người được chính giác không kể xiết. Sau khi ta diệt độ hơn 60 năm, nơi ấy sẽ có tệ nạn chuộng văn chương bóng bẩy, ông phải khéo tự hàng phục (Thủy trung văn bố, thiện tự hàng chi). Ông đến đây đừng ở phương Nam, người nơi ấy chỉ ưa thích thiện

nghiệp, không thấu hiểu Phật lý. Dầu ông tới chỗ đó cũng không ở lâu được, nghe ta đọc kệ:

Phiên âm:

Lộ hành khóa thủy phục trùng dương
Độc tự thê thê ám độ giang
Nhật hạ khả lân song tượng mã
Nhị châu nộn quế cửu xương xương.

Tạm dịch:

*Trên đường qua thủy, lại trùng dương
Bận bịu riêng mình vượt bến sông
Ngày xuống khá thương đôi tượng mã
Hai châu mằm quế mãi linh thông.*

Lại hỏi:

- Sau đó lại có chuyện gì ?

Tôn giả đáp:

- Từ đây trở đi 150 năm sẽ có tiểu nạn. Nghe lời sấm ta đọc:

Phiên âm:

Tâm trung tuy cát ngoại đầu hung
Xuyên hạ tằng phòng danh bất trung
Vị ngộ độc long sanh võ tử
Hốt trùng tiểu thử tịch vô cùng.

Tạm dịch:

*Trong tâm tuy cát, ngoài lại hung
Tại xuyên, tằng phòng tên chẳng dung
Gặp phải độc long sanh võ tử
Bỗng nhiên đụn chuột, lạng vô cùng.*

Ngài lại hỏi:

- Sao đó lại như thế nào ?

Tôn giả:

- Sau đó 220 năm, tại núi thấy một người đã chứng đắc đạo quả.
Nghe lời sấm:

Phiên âm:

Chấn đản tuy khoát vô biệt lộ
Yếu giả nhi tôn cước hạ hành
Kim kê giải nhạ nhất lạp túc
Cúng dường thập phương La-hán tăng.

Tạm dịch:

*Trung Hoa tuy lớn, không đường khác
Nên mượn cháu con cất bước sang
Gà vàng đón dâng lên hạt thóc
Cúng dường La-hán khắp mười phương.*

Đoạn, diễn giảng các kệ, thấy đều là những dự báo về tương lai hưng suy Phật giáo (*Các sự việc được ghi trong Bảo Lâm tập và Thánh trụ tập*). Đạt Ma luôn cung kính, học hỏi giáo nghĩa với Tổ, chuyên cần hầu cận trước sau 40 năm, chưa từng biếng lười. Đến khi Tôn giả thị tịch, ngài nối tiếp truyền bá đạo pháp trong nước.

Lúc ấy có hai đại sư, một người là Phật Đại Tiên, người kia tên Phật Đại Thắng Đa - vốn cùng với Tổ đồng học Phật-đà-đạt-đà về Thiên quán Tiểu thừa. Phật Đại Tiên khi đã gặp Bát-nhã Đa-la Tôn giả nên đã bỏ Tiểu, theo Đại thừa, cùng Tổ dạy đạo. Người bấy giờ gọi là hai cam lộ môn còn Phật Đại Thắng Đa lại phân chia môn đồ làm sáu tông là:

1. Hữu tướng tông
2. Vô tướng tông
3. Định huệ tông
4. Giới hạnh tông
5. Vô đắc tông
6. Tịch tịnh tông

Các tông phái đua nhau giấu điều giảng giải, riêng triển khai gốc pháp, xóm làng, đồi núi đồ chúng theo đông đúc. Tổ buồn lời than:

- Một mình ông thầy kia rơi vào hạn hẹp, hướng lại còn phân chia làm sáu phái khác nhau. Ta nếu không ngăn tất phải mãi mãi vương tà kiến.

Nói xong, ngài huyền vi hiện thân lực, đến ngay tịnh xá Hữu tướng tông, hỏi:

- Hết thầy các pháp, tại sao gọi là thực tướng ?

Trong nhóm có một Tôn trưởng tên Tát-bà-la, đáp:

- Ở trong các tướng chẳng lẫn lộn các tướng nên gọi là thực tướng.

Tổ nói:

- Hết thầy các tướng chẳng lẫn lộn, nếu gọi thực tướng thì làm sao định.

Ông ta nói:

- Ở trong các tướng thực không có định, nếu các tướng định thì đâu gọi là thực.

Tổ:

- Các tướng không định nên gọi là thực tướng, ông nay không định thì được thế nào ?

Ông ấy đáp:

- Tôi nói không định, không phải nói các tướng, chính nói đến các tướng, nghĩa ấy cũng vậy.

Tổ nói:

- Ông nói không định, chính là thực tướng. Định bất định ấy tức không phải thực tướng.

Ông ta nói:

- Định đã bất định tức không phải thực tướng. Bất ngã vốn không, không định không biến.

Tổ nói:

- Ông nay bất biến, sao gọi là thực tướng ? Đã biến thì đã qua, nghĩa ấy cũng thế.

Ông ta nói:

- Bất biến tồn tại, tại nhưng chẳng tại, nên thực tướng biến để định cái nghĩa đó.

Tổ nói:

- Thực tướng bất biến, biến tức không thực, ở nơi có - không, thì sao gọi là thực tướng ?

Tát-bà-la thâm hiểu Thánh sư nêu lên cách giải, bèn đưa tay lên hư không, hỏi:

- Đây là thể gian hữu tướng, nhưng rốt cũng là không, chính thân tôi đây cũng tựa vậy chứ ?

Tổ đáp:

- Nếu thực tướng, tức thấy phi tướng. Nếu đã rõ phi tướng thì sắc cũng hiểu vậy. Chính đang ở sắc, chẳng mất thể sắc. Ở trong phi tướng chẳng ngại gì có. Nếu hiểu được như vậy thì đó gọi là thực tướng.

Cả chúng ấy nghe xong, tâm ý thông suốt, đều làm lễ tín thọ.

Tổ thoảng chốc, đã mất dấu tích đến Vô tướng tông, hỏi:

- Ông nói vô tướng, vậy chúng thể nào ?

Trong chúng có Ba-la-đề, đáp:

- Tôi thấu biết vô tướng vì tâm chẳng hiện.

Tổ nói:

- Tâm ông không hiện thì sao thấu rõ được.

Ông ta nói:

- Tôi rõ biết vô tướng, tâm chẳng buông giữ. Chính khi thấu rõ ấy cũng chẳng phải đương thể.

Tổ nói:

- Nơi những có - không, tâm chẳng giữ buông cũng lại không đương thể thì chẳng có thấu suốt gì.

Ông ta nói:

- Nhập Phật Tam-muội, vẫn còn không có chỗ để chứng hưởng gì là vô tướng mà muốn biết nó ?

Tổ nói:

- Tướng đã chẳng biết sao lại nói có không ? Vẫn không có chỗ để chúng đắc thì sao lại gọi là Tam-muội ?

Ông ta nói:

- Tôi nói không chúng là chúng cái không chỗ chúng, không phải Tam-muội mà ta nói đến Tam-muội.

Tổ hỏi lại:

- Đã là không Tam-muội sao lại có tên ? Ông nhận là không chúng, vậy đã chẳng chúng sao lại chúng ?

Ba-la-đề nghe Tổ biện chiết liền ngộ ngay bản tâm, làm lễ sám hối nhàm lẩn từ trước.

Tổ huyền ký rằng:

- Ông chính sẽ đắc quả, không lâu nữa chúng thôi, xứ này có ma, không lâu sẽ xuất hiện.

Nói xong thì không còn thấy bóng.

Tổ đến Định huệ tông, hỏi:

- Ông học định huệ, vậy nó là một hay hai ?

Trong chúng có Bà-lan-đà, đáp:

- Định huệ của ta là chẳng một chẳng hai.

Tổ hỏi:

- Đã chẳng một, chẳng hai, sao gọi là định huệ ?

Ông ta nói:

- Tại định chẳng định, ở huệ không huệ. Một tức không một, hai cũng không hai.

Tổ nói:

- Chính một không một, chính hai không hai. Đã không định huệ sao gọi là định huệ ?

Ông ta nói:

- Không một, không hai mới biết định huệ. Không định không huệ cũng lại như vậy.

Tổ nói:

- Huệ đã không định thì sao biết được ? Không một không hai thì sao là định, sao là huê ?

Bà-lan-đà nghe vậy, mỗi ngò trong lòng tan biến.

Tổ đến tông thứ tư, Giới hạnh tông, hỏi:

- Sao gọi là giới ? Thế nào là hạnh ? Giới hạnh này là một hay là hai ?

Trong chúng có một hiền giả, đáp:

- Một hai hai một, đều tự đó sinh khởi. Y cứ giáo không nhiễm đây gọi là giới hạn.

Tổ nói:

- Ông nói y cứ theo giáo, tức là có nhiễm. Một hai đều đổ thì sao nói y cứ giáo. Hai điều này trái ngược nhau, chẳng đúng với hạnh. Trong ngoài không tỏ sáng thì sao gọi là giới ?

Ông ấy nói:

- Ta có trong ngoài, điều ấy tất biết. Đã được thông đạt thì đó là giới hạnh. Nếu cho là trái ngược, đều đúng đều không. Lời nói và sự thanh tịnh, tức giới, tức hạnh.

Tổ nói:

- Nếu thấy đều đúng, thấy đều không thì sao nói thanh tịnh ? Nếu đã thông đạt thì còn nói gì trong ngoài ?

Hiền giả nghe nói, đâm ra thẹn thùng, tâm phục.

Tổ đến Vô đắc tông, hỏi:

- Ông nói vô đắc, vô đắc sao đắc được ? Đã không có chỗ đắc thì cũng không đắc cái vô đắc.

Trong chúng có Bảo Tịnh, đáp:

- Ta nói vô đắc, không phải đắc cái vô đắc, mà chính nói đắc cái đắc, vô đắc là đắc đấy.

Tổ nói:

- Đắc đã chẳng đắc thì đắc cũng không phải đắc. Đã cho rằng đắc cái đắc thì đắc cái đắc đó là đắc gì ?

Ông ấy nói:

- Thấy đăc không phải đăc, không đăc là đăc. Nếu thấy không đăc gọi là đăc đăc.

Tổ nói:

- Đăc đă là không đăc, thì đưọc cái đăc cũng là vô đăc. Đă không chỗ đăc thì làm sao đăc cái đăc ?

Bảo Tịnh nghe vậy, mỗi nghi ngờ liền tan biến.

Tổ đến chỗ Tịch tịnh tông, hỏi:

- Sao gọi là tịch tịnh, trong pháp này, ai tịch, ai tịnh ?

Trong chúng đó có Tôn giả, đăp:

- Tâm bất độn nên gọi là tịch, ở pháp không nhiễm gọi là tịnh.

Tổ nói:

- Bản tâm chẳng tịch mới cần đến tịch tịnh, nhưng xưa nay tâm vốn tịch thì cần gì đến tịch tịnh ?

Ông ấy nói:

- Các pháp vốn không nên dùng lấy cái không của không đó. Cái không của cái không đó nên có tên không tịch.

Tổ nói:

- Cái không của không đă không thì các pháp cũng thế. Tịch tịnh không tướng thì sao là tịch, sao là tịch ?

Tôn giả ấy nghe Tổ chỉ điềm thì tỏ ra thông suốt.

Thế rồi tất cả sáu phái khi ấy đều thế nguyện quy y.

Như vậy, Tổ đă hóa đưọc xứ Nam Thiên. Tiếng tăm truyền khắp năm vùng Ấn ĐỘ. Qua 60 năm, Tổ đỘ vô số đờ chúng.

Sau gặp kẻ dị kiến lên nối ngôi vua, khinh hủ tam Bảo, thường nói:

- Tổ tông của ta đều tin theo Phật đăo, sa vào tà kiến nên thọ chẳng bao lâu, vận nước cũng ngắn ngủi. Vả lại ta nay bản thân là Phật thì còn cần gì ngoài khác ? Thiện ác báo ứng đều do bọn đă trí bày ra tuyên

truyền đó thôi. Ngay những cự thần trong nước, xưa hầu cận tiên vương đều bị sa thải cả.

Tổ hay biết, than nhà vua kém đức. Phải cứu thế nào ? Ngài bèn nhờ đến hai Tôn trưởng trong phái Vô tướng, một người là Ba-la-đề, vốn có duyên với vua, sắp được chúng quả; người kế là Tôn Thắng, biện luận chẳng phải dở nhưng chưa đủ cơ duyên.

Lúc ấy chúng môn đồ sáu phái thâm nghĩ: ‘Phật pháp gặp nạn riêng thầy sao lại an được ?’. Từ xa, Tổ biết được ý các chúng, liền búng ngón tay theo đó ứng niệm. Sáu phái môn đồ nghe thấy, cùng bảo nhau:

- Đây là tín âm của sư Đạt Ma thầy mình. Bọn ta phải mau chóng đến đó nghe từ lệnh. Mọi người đến nơi Tổ, lễ bái và thăm hỏi. Tổ nói:

- Chiếc lá che lấp hư không, ai đi cắt đứt được ?

Tôn Thắng:

- Con tuy thiện bạc, há dám ngại việc này.

Tổ nói:

- Ông tuy có trí biện luận nhưng đạo lực chưa toàn.

Tôn Thắng tự nghĩ: “Thầy sợ ta gặp nhà vua làm đại Phật sự, danh dự hiển đạt làm mờ đi uy thầy. Kẻ kia do phúc huệ mà làm vua, còn ta là Sa-môn chỉ làm theo lời Phật dạy, há không địch nổi sao ?”

Nói xong lặng lẽ ra đi.

Tôn Thắng đến ngay cung vua diễn thuyết pháp yếu và những khổ vui trên đời, chuyện thiện ác cõi Trời, Người, và nhà vua trưng bày lý lẽ cật vấn qua lại, đều đạt lý lẽ.

Vua hỏi:

- Ông nay kiến giải như vậy, pháp ấy ở đâu ?

Tôn Thắng:

- Như nhà vua trị nước, chính hợp với đạo. Vậy cái đạo ấy của nhà vua nó nằm ở đâu ?

Vua nói:

- Đạo mà ta có là trừ tà pháp. Còn pháp của ông nhiếp phục kẻ nào ?

Tổ không rời khỏi chỗ ngồi song cũng mật biết nghĩa giải của Tôn Thắng bị đồ, liền bảo Ba-la-đề:

- Tôn Thắng không nghe lời ta, ngằm đến tranh luận với vua phút chốc nữa thôi đã đuối lý. Ông mau đến cứu.

Ba-la-đề cung kính vâng ý chỉ Tổ, nói:

- Nguyên nhờ thần lực.

Dứt lời, mây hiện dưới chân. Đến trước nhà vua, ngài đứng yên lặng không nói.

Lúc ấy, vua đang hỏi Tôn Thắng, bất ngờ thấy Ba-la-đề cười mây bay đến, vua kinh ngạc đến quên cả hỏi, đáp. Vua lên tiếng:

- Kẻ cười hư không ấy là chánh hay tà ?

Ba-la-đề:

- Tôi không tà chánh, mà đến chánh cái tà. Tâm Vua nếu chánh thì tôi không tà chánh.

Vua tuy kinh dị nhưng tánh kiêu mạn đang bốc mạnh, bèn đuổi Tôn Thắng ra khỏi cung. Ba-la-đề nói:

- Vua đã có chánh đạo sao lại đuổi Sa-môn ? Tôi tuy không khéo biện giải nhưng xin vua cứ hỏi.

Vua giận liền hỏi:

- Ai là Phật ?

Đề nói:

- Thấy tánh là Phật.

Vua hỏi:

- Sư có thấy tánh không ?

Đề đáp:

- Tôi thấy Phật tánh.

Vua hỏi:

- Tánh ở chỗ nào ?

Đề nói:

- Tánh tại tác dụng.

Vua lại hỏi:

- Là tác dụng gì mà ta nay không thấy ?

Đề nói:

- Tác dụng đang hiện hành, tự nhà vua không thấy.

Vua nói:

- Ở ta có không ?

Đề nói:

- Nếu vua tác dụng, không có gì không đúng. Nếu vua không dụng thì thế cũng khó gặp.

- Nếu chính lúc dụng thì có bao nhiêu chỗ xuất hiện ?

Đề đáp:

- Khi xuất hiện thì có tám chỗ.

Vua hỏi:

- Hãy nói ta nghe tám chỗ xuất hiện ấy. Ba-la-đề bèn nói kệ:

Phiên âm:

Tại thai vi thân

Xứ thế vi nhân

Tại nhãn viết kiến

Tại nhĩ viết văn

Tại tỉ biện hương

Tại khẩu đàm luận

Tại thủ chấp tróc

Tại túc vận bồn

Biến hiện câu cai sa giới

Thâu nhiếp tại nhất vi trần

Thức giả tri thị Phật tánh

Bất thức hoán tác tinh hồn.

Tạm dịch:

*Trong thai là thân
Tại thế là người
Tại mắt là thấy
Ở tai là nghe
Ở mũi biết mùi
Tại miệng: nói, bàn
Nơi tay cầm, nắm
Tại chân: đứng, đi
Biến hiện đầy khắp thế giới
Thu lại trong hạt bụi nhỏ
Người trí biết là Phật tánh
Không biết, gọi đấy tinh hồn.*

Vua nghe kệ xong, tâm liền tỏ ngộ, sám hối tội lỗi trước giờ. Nhà vua lại hỏi han pháp yếu, từ sáng đến chiều, quên cả mỗi mệt. Như thế kéo dài đến 3 tháng.

Lúc bảy giờ, Tôn Thắng đã bị đuổi, lui về ẩn trong núi sâu, thâm nghĩ: “Ta nay trăm tuổi, 80 năm đã lầm lỗi, từ 20 năm nay mới quy y Phật đạo. Tánh tuy ngu muội, nhưng hạnh chưa hề có tì vết. Nay không thể ngăn được pháp nạn, vậy sống sao bằng chết ?”

Nói xong, tự gieo mình xuống núi. Tức thì có Thần nhân dùng tay đỡ lấy đặt lên đỉnh núi, an nhiên, chẳng hề hấn gì. Tôn Thắng nói:

- Ta, Sa-môn kém cõi này phải lấy chánh pháp làm chủ, không ngăn được sai lầm của vua nên phải hủy thân tự trách, sao thần linh lại ra sức giúp như thế này ! Kính ban cho một lời để bảo trọng trong mấy năm còn lại.

Thần nhân bèn đọc kệ:

Phiên âm:

Sư thọ ư bách tuế
Bát thập nhi tạo phi
Vi cận chí tôn cố

Huân tu nhi nhập đạo
Tuy cụ thiếu trí tuệ
Nhi đa hữu bỉ ngã
Sở kiến chư hiền đẳng
Vị thường sinh trân kính
Nhi thập niên công đức
Kỳ tâm vị điềm tịnh
Thông minh khinh mạn cố
Nhi hoạch chí ư thử
Đắc vương bất kính giả
Đương cảm quả như thị
Tự kim bất sơ đãi
Bất cứu thành kỳ trí
Chư Thánh tất tồn tâm
Nhu Lai diệc phục nhĩ.

Tạm dịch:

*Sư thọ nay trăm tuổi
Tám mươi gây lỗi lầm
Nhờ gần được chí tôn
Huân tu mà vào đạo
Bởi có đỉnh trí tuệ
Mà sinh lảm ta - người
Khi thấy các bậc hiền
Chưa từng sinh trân kính
Hai mươi năm công đức
Tâm vẫn chưa điềm tịnh
Bởi thông minh khinh mạn
Mới ra nông nổi này
Bị vua chẳng tôn kính
Phải nhận quả như vậy*

*Từ nay đừng hờn hợt
Không lâu, trí thành tựu
Các Thánh tất lưu tâm
Như Lai cũng như thế.*

Tôn Thắng nghe kệ rất hoan hỉ, bèn ngồi ngay trên đỉnh núi tịnh tọa.

Lúc ấy, vua lại hỏi Ba-la-đề:

- Nhân giả biện luận trí tuệ như thế, vậy thầy là người nào ?

- Nơi tôi xuất gia là chùa Bà La, thụ nghiệp với Tam Tạng Ô-sa-bà.

Sư phụ hiện tại chính là Bồ Đề Đạt Ma, chú của Đại vương. Vua nghe đến tên Tổ, kinh ngạc hồi lâu nói:

- Kẻ thấp hèn này nói ngôi vương lại theo tà bỏ chánh, quỳên mất Tôn thúc của mình.

Liên ra lệnh cho cận thần mau mau cung thỉnh. Tổ theo sứ vào hoàng cung cho vua làm lễ sám hối tội trước. Vua nghe giới pháp bèn khóc tạ lỗi với Tổ. Vua lại triệu Tôn Thắng về nước. Đại thần tâu:

- Tôn Thắng bị đày buông mình xuống núi, nay đã mất rồi.

Vua nói cùng Tổ:

- Tôn Thắng chết đều do con, xin đại từ làm sao miễn tội ấy được ?

Tổ nói:

- Tôn Thắng đang an tọa trên đỉnh núi cao, chỉ cần cho người đến mời là đến đây thôi.

Vua sai người vào núi, quả thấy Tôn Thắng đang an nhiên Thiên định.

Tôn Thắng được triệu gọi nói:

- Thật đáng thẹn đối với thành ý của vua, nhưng bản đạo đã đại thể nguyện ở nơi rừng núi này rồi. Vả, trong vương quốc, kẻ hiền đức nhiều như rừng cây. Đạt Ma chú của nhà vua chính là thầy sáu phái, Ba-la-đề là voi thiêng trong Pháp, xin vua tôn ngưỡng hai bậc Thánh đó để tạo phúc cho cơ nghiệp vương triều.

Sứ giả ra về phục mệnh. Khi sứ về chưa đến nơi, Tô nói với vua:

- Có biết cách mời được Tôn Thắng không ?

Vua nói:

- Chưa biết.

Tô nói:

- Mời lần đầu không tới, mời lần nữa ắt tới.

Chưa được bao lâu thì sứ giả về đến, đúng như lời Tô nói, Tô từ biệt vua, nói:

- Hành thiện lập tức, không bao lâu phát bệnh. Ta phải đi đây.

Bảy ngày sau, vua quả ngã bệnh. Ngự y chẩn trị, bệnh càng nặng thêm. Cận thần, hoàng tộc nhớ lời sư nói trước kia, nên vội vàng sai người đến Tô, nói:

- Bệnh vua nặng lắm, nguyện Tôn thúc từ bi từ xa trở về cứu chữa.

Tô liền đến nơi hỏi thăm, an ủi.

Khi ấy, Tôn Thắng đã nhận tiếp chiếu vua nên từ biệt non cao. Ba-la-đề cũng đến nơi thăm bệnh vua.

Tô nói:

- Nên làm cách nào để vua thoát khổ ?

Tô bảo Thái tử hãy vì vua mà xá tội thi ân, sùng phụng tam Bảo, lại làm lễ sám hối, nguyện cho tội lỗi tiêu diệt. Thực hiện ba điều ấy, nhà vua được khỏi bệnh.

Tô nghĩ cơ duyên với Trung Hoa đã chín muồi, thời hành hóa đã đến, bèn đến lễ tạ tháp thầy Tô, đoạn từ biệt đồng học, sau đó đến cung vua, an ủi, khuyên bảo:

- Nên chuyên cần tu nghiệp trong sạch, hộ trì tam Bảo. Ta đi không lâu, chín năm thì trở lại.

Vua nghe lời sư nói, nước mắt nước mũi tuôn trào nói:

- Nước này có tội gì, xứ kia có phúc gì. Chư đã có nhân duyên, không thể ở chỗ con. Chỉ mong chú đừng quên xứ sở phụ mẫu, xong việc sớm trở về.

Vua cấp thuyền lớn chắt đầy đủ vật báu, đoạn đích thân dẫn quần thần tiễn ra đến bờ biển.

Tổ đi thuyền trên biển cả, trải hai mùa nóng lạnh thì tới Nam Hải. Nhằm thời Lương, niên hiệu Phổ Thông năm thứ bảy, ngày 21 tháng 9 năm Bính Ngọ.

Quan Thứ Sử Quảng Châu là Tiêu Ngang, làm lễ đón tiếp sứ, đoạn gửi biểu văn về Võ Đế. Đế đọc sơ tâu, sai sứ đến cung thỉnh về triều. Lúc ấy nhằm niên hiệu Đại Thông năm đầu, Đinh Mùi. Ngày mùng 1 tháng 10, đến Kim Lăng.

Đế hỏi:

- Trẫm từ lên ngôi đến nay, thường xây chùa, chép kinh cúng dường, độ tăng không biết bao nhiêu, vậy có công đức gì không ?

Tổ đáp:

- Đều không công đức.

Đế hỏi:

- Tại sao không có công đức ?

Tổ đáp:

- Đây chỉ là quả nhỏ cõi nhân thiên, là nhân hữu lậu; nó như bóng theo hình, tuy có nhưng không thực.

Đế hỏi:

- Vậy thế nào là công đức chân thực ?

- Trí thanh tịnh vi diệu tròn đầy, thể tự trống không tịch tịnh, công đức như vậy không thể lấy việc thế tục mà cầu được.

Đế lại hỏi:

- Thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa ?

- Trống không chẳng có Thánh.

Đế hỏi:

- Kẻ đối diện trước trẫm là ai ?

- Không biết.

Đế không lĩnh hội được.

Biết căn cơ chẳng hợp, ngày 19 tháng ấy, Tổ âm thầm trở lại Giang Bắc.

Ngày 23 tháng 11, Đạt Ma đến đất Lạc Dương, nhằm thời Ngụy Hiếu Minh đế, niên hiệu Hiếu Xương năm thứ 3. Tổ dừng lại chùa Thiếu Lâm ở núi Tung Sơn, ngồi xoay mặt vô vách suốt ngày im lặng. Người đời không hiểu là ai gọi ngài là ông Ấn Độ nhìn vách. Lúc bấy giờ, có ông tăng tên Thần Quang là một bậc uyên bác, từ lâu ngụ tại Y Lạc, đọc khắp các sách, giỏi luận huyền lý. Ngài thường than thở: “Cái học của Khổng, Lão chỉ là lễ thuật, phong quy, sách Trang, Dịch đều chưa thấu lý diệu. Gần đây nghe Đại sĩ Bồ Đề Đạt Ma đang ở tại Thiếu Lâm, bậc Thánh không xa, phải đến nơi huyền diệu ấy”.

Bèn đến nơi, sớm hôm hành lễ. Tổ ngồi yên quay mặt vào vách chẳng màng gì đến. Thần Quang tự nghĩ: “Người xưa cầu đạo phải chịu đựng chẻ xương moi tủy, lấy huyết cứu người đói, trải tóc phủ bùn, gieo thân cho hổ ăn thịt. Người xưa như thế, còn ta là người thế nào?”.

Vào đêm mùng 9 tháng 12 năm ấy, trời mưa tuyết đầy khắp. Thần Quang đứng yên bên ngoài trời bất động. Đến sáng, tuyết đã ngập đến quá gối. Tổ thương tình, hỏi:

- Ông đứng suốt đêm trong tuyết, muốn cầu việc gì ?

Thần Quang buồn thảm rơi lệ, nói:

- Chỉ cầu nguyện Hòa thượng từ bi, mở cửa cam lộ, rộng độ chúng con.

Tổ nói:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật, phải qua nhiều kiếp tinh cần, làm được những điều khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn. Há có thể dùng cái trí kém, đức mỏng, lòng khinh mạn, dạ hời hợt mà muốn đạt được pháp chân thừa, chỉ mất công lao nhọc mà thôi!

Thần Quang nghe Tổ dạy bảo, ngậm rút ra ngọn đao bén tự chặt đứt cánh tay trái dâng lên trước Tổ. Tổ biết đây là pháp khí, bèn bảo:

- Chư Phật xa xưa cầu đạo, vì Pháp mà quên thân, ông nay chặt tay để trước mặt ta, tâm cầu đạo như thế cũng khá được.

Tổ nhân đẩy đổi tên ngài là Huệ Khả.

Huệ Khả nói:

- Pháp ấn của chư Phật, con có thể nghe được không ?

- Pháp ấn chư Phật không thể từ người ngoài mà được.

Huệ Khả nói:

- Tâm con chưa an, xin thầy an cho.

Tổ bảo:

- Đem tâm ông đến đây, ta an cho.

Khả yên lặng hồi lâu, nói:

- Con đã tìm tâm khắp nhưng không thấy được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ông rồi đấy.

Sau vua Hiếu Minh Đế nghe tích lạ của sư, sai sứ đem chiếu đến triệu vời về. Trước sau ba lần sứ đến, nhưng sư không xuống núi Thiếu Lâm. Đế càng thêm khâm trọng bèn tặng Cà-sa Ma-nạp ba nếp, bát vàng, bình nước bạc, sư đều ba lần giao trả lại. Nhưng do ý Đế càng kiên định nên cuối cùng sư mới nhận. Từ đó tăng tục đông dày càng thêm tin tưởng hướng mộ.

Qua chín năm, Tổ muốn trở lại Thiên Trúc, bảo các môn đồ:

Đã đến lúc ta sắp đi đây, các người hãy nói ra chỗ thấy biết của mình xem.

Lúc ấy, có Đạo Phó bước ra thưa:

- Như chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng rời văn tự, ấy là cái dụng của đạo.

Tổ nói:

- Ông được phần da của ta.

Ni Tổng Trì, thưa:

- Chỗ hiểu của con, như ngài Khánh Hi (A-nan) thấy nước Phật A Súc, chỉ thấy một lần chứ không thấy nữa.

Tổ nói:

- Cô được phần thịt của ta.

Đạo Dục thưa:

- Tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, theo chỗ thấy của con, không một pháp nào có thể đắc.

Tổ nói:

- Ông được phần xương của ta.

Sau cùng, Huệ Khả bước ra lễ bái xong trở lại chỗ cũ đứng. Tổ nói:

- Ông được phần tủy của ta.

Đạt Ma bèn nhìn Huệ Khả dặn dò:

- Xưa Như Lai đem Chánh pháp nhãn truyền cho Đại sĩ Ca-diếp đoạn lần lượt truyền mới đến ta. Ta nay trao lại cho ông, phải nên hộ trì, ta cũng trao ông chiếc Cà-sa để làm Pháp tín. Mỗi thứ đều có ý nghĩa, ông nên biết lấy.

Huệ Khả nói:

- Xin thầy chỉ dạy.

- Trong truyền Pháp ấn để chứng tâm, ngoài thì giao Cà-sa để xác định tông chỉ. Đời sau lắm người kiêu bạc, nghi ngờ cạnh tranh sanh ra, nói ta là người xứ Tây Thiên, còn ông là người nơi này, dựa vào đâu mà cho là đắc pháp ? Lấy gì làm bằng ? Ông nay nhận cà-sa và pháp này, ngày sau gặp khó cứ đưa tấm y này ra cùng Pháp kệ của ta dùng làm minh chứng, sự giáo hóa không có ngăn ngại. Sau khi ta diệt độ 200 năm, thì giữ y lại không truyền nữa. Lúc ấy pháp đã phổ biến rộng rãi. Người hiểu đạo nhiều, người hành đạo lại ít. Kẻ nói lý thì nhiều, còn thông lý lại ít. Người thâm lặng chứng ngộ sẽ có hơn ngàn vạn. Ông nên cứ xiển dương, chớ xem thường người chưa ngộ. Chỉ một niệm chuyển cơ tâm thì đồng là chứng ngộ. Nghe ta đọc kệ:

Phiên âm:

Ngô bản lai tư thỏ
Truyền pháp cứu mê tình
Nhất hoa khai ngũ điệp
Kết quả tự nhiên thành.

Tạm dịch:

*Ta qua đến xứ này
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa trở năm cánh
Kết quả, tự nhiên thành.*

Ta có kinh Lăng Già 4 quyển, cũng giao cho ông. Đây là yếu môn tâm địa Như Lai, sẽ giúp chúng sanh mở bày chứng ngộ tri kiến Phật. Ta từ lúc tới đây đã năm phen trúng độc, ta từng đem ra thử đặt lên đá thì đá nứt ra. Do vì ta vốn rời Nam Ấn Độ để tới Đông Độ này, thấy Xích huyện, Thần châu có khí tượng Đại thừa nên vượt qua biển cả, sa mạc, đem Pháp cứu người. Buổi đầu gặp nhau chẳng hợp, nói năng ngập ngừng, như khờ, tự đại, nay đã truyền được cho ông, ý ta đã vẹn rồi vậy. Nói xong bèn cùng đồ chúng đi đến chùa Thiên Thánh ở Vũ Môn. Dừng lại đây ba ngày. Ở đây có Thái thú Kỳ Thành là Dương Huyền Chi, sớm mộ đạo Phật, hỏi Tổ:

- Ngũ Ấn Tây Thiên, sư kế thừa làm Tổ, vậy đạo ấy thế nào ?
- Rõ biết tâm tông của Phật, hạnh và giải hợp nhau, đây gọi là Tổ.

Huyền Chi lại hỏi:

- Ngoài ra còn nghĩa nào khác ?
- Nên rõ tâm người, biết được xưa nay, chẳng chán có không. Nơi pháp không nắm giữ, chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ. Nếu hiểu được vậy mới gọi là Tổ.

- Đệ tử lòng quy hướng tam Bảo đã lâu, nhưng trí tuệ tối tăm vẫn còn chẳng thấy chân lý. Vừa nghe thầy nói chẳng biết làm thế nào. Cúi xin thầy từ bi mở bày tôn chỉ cho con.

Tổ thấy Huyền Chi lòng thành khẩn thiết, ngài đọc kệ:

Phiên Âm:

Diệc bất đồ ác nhi sanh hiêm
Diệc bất quán thiện nhi cần thố
Diệc bất xả trí nhi cận ngu
Diệc bất phao mê nhi tự ngộ
Đạt đại đạo hề, quá lượng
Thông Phật tâm hề, xuất độ
Bất dữ phạm Thánh đồng triền
Siêu nhiên danh chi viết Tổ.

Tạm dịch:

*Cũng không thấy ác mà sanh hiêm
Cũng đừng thấy hiền mà thân thiện
Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu
Cũng chẳng vất mê mà theo ngộ
Đạt đạo lớn, chừ quá lượng
Tâm Phật thông, chừ độ thoát
Chẳng cùng phạm Thánh chung đường
Vượt thoát lên, gọi là Tổ.*

Huyền Chi nghe xong kệ, vui buồn lẫn lộn, nói:

- Cúi xin thầy trụ thế lâu thêm để hóa đạo quần sanh.

Tổ nói:

- Ta sẽ ra đi đây, không thể nán lại lâu, căn tánh vạn sai gặp nhiều
hoạn nạn.

Huyền Chi nói:

- Xin hỏi là ai, đệ tử sẽ vì thầy mà trừ đi ?

Tổ:

- Ta truyền mật ấn của Phật, làm tỏ đường mê, nay hại người để
yên mình, thì có lý nào như vậy được.

- Nếu thầy không nói cũng xin có biểu ý cho con dò hiểu.

Bất đắc dĩ Tổ đành phải nói lời sấm:

Phiên âm:

Giang ưa phân ngọc lãng
Quản cự khai kim tỏa
Ngũ khẩu tương cộng thành
Cửu thập vô bỉ ngã.

Tạm dịch:

*Bè trôi rẽ sóng ngọc
Soi đuốc mở khóa vàng
Năm miệng cùng nói nhau
Chín mươi hết đây đó.*

Huyền Chi nghe xong chẳng biết thế nào mà đoán chỉ âm thầm nhớ lấy và tạ lễ lui ra.

Lời sấm ký của Tổ tuy lúc đó chưa lường được, nhưng sau đó, mọi sự đều ứng nghiệm cả.

Lúc bấy giờ, nhà Ngụy sùng phụng đạo Phật, người giỏi Thiền rất nhiều. Luật sư Quang Thống, Tam Tạng Lưu Chi là những nhân tài trong tầng giới. Thấy sư diễn đạo, phá tướng tâm, thường cùng sư nghị luận, sai đúng mọi lẽ nổi lên như ong vỡ tổ. Tổ chỉ cái phong khí huyền bí sâu xa, rộng thí mưa pháp, nhưng những kẻ ấy khí lượng hẹp hòi, thiên lệch, tự mình không hiểu nổi, lại sinh tâm hại người, mấy lần đầu độc. Đến lần thứ sáu, Tổ thấy việc hóa duyên đã xong, được người truyền pháp nên không tự cứu nữa mà ngồi an nhiên thị tịch, nhằm vào thời Ngụy Văn Đế, niên hiệu Đại Thống năm thứ hai, Bính Thìn, ngày 5 tháng 10.

Ngày 28 tháng 12 năm ấy, an táng tại núi Hùng Nhĩ, xây tháp tại chùa Định Lâm. Ba năm sau, Tống Vân nhà Ngụy phụng vâng mệnh đi sứ từ Tây Vực trở về, gặp Tổ tại núi Thông Lĩnh (Parmir), thấy ngài tay xách chiếc dép, một mình đi lướt qua nhanh.

Vân hỏi:

- Sư đi đâu ?

- Đi về Tây Thiên.

Lại nói với Vân:

- Vua của ông đã băng rồi.

Vân nghe nói ngơ ngác, từ giã sư đi về Đông. Khi về triều phụng mệnh mới hay vua Minh Đế đã băng. Khi Hiếu Trang tức vị Vân tâu việc trên. Đế lệnh khai mộ thấy bên trong áo quan ông rỗng, chỉ còn một chiếc dép mà thôi, cả triều hết sức kinh ngạc thở than. Phụng chiếu đem dép mang về chùa Thiếu Lâm thờ phụng. Đến đời nhà Đường, niên hiệu Khai Nguyên, năm thứ mười lăm, Đinh Mão, các tín đồ lại trộm lấy đem về thờ ở chùa Hoa Nghiêm, núi Ngũ Đài. Nay không biết ở nơi nào.

Lúc ban đầu, Lương Võ đế gặp Tổ, nhân duyên chưa khớp. Sau đó nghe Tổ hành hóa tại xứ Ngụy, vua muốn tự soạn bi văn cho sư song chưa rãnh được. Đến khi nghe chuyện Tống Vân thì vua mới hoàn thành bài văn ấy.

Vua Đại Tông phong thụy ngài hiệu Viên Giác Đại Sư, tháp gọi là Không Quán (Niên hiệu ghi theo Kỷ Niên Thông Giám).

PHẦN PHỤ LỤC:

I. Sách Thông Luận ghi:

Sách Truyền Đăng cho rằng vua Hiếu Minh Đế nhà Ngụy vì khâm phục những dị tích kỳ lạ của Tổ nên ba lần xuống chiếu vời, Tổ vẫn chẳng rời khỏi Thiếu Lâm. Đến khi Tổ thị tịch, Tống Vân từ Tây Thiên trở về, gặp Tổ tại núi Thông Lĩnh, Hiếu Trang Đế ra lệnh khai quật mộ huyệt.

Theo Sách Nam sử, Phổ Thông năm thứ tám, tức Đại Thông năm đầu: Vào tháng 4 năm Canh Sửu, vua Hiếu Minh băng, còn Tổ thì tháng 10 năm đó mới đến nhà Lương. Bởi, lúc Tổ chưa đến Ngụy thì Hiếu Minh đế đã thăng hà. Con Hiếu Minh đế lên ngôi chưa được bao lâu thì bị Nhĩ Châu Vinh thí sát và lập Hiếu Trang đế. Do vậy, nước Ngụy sinh loạn lớn.

Sau ba năm, Hiếu Trang chết, lại 5 năm sau, nước Ngụy bị phân làm Đông và Tây Ngụy. Vậy khi Tổ đang tại chùa Thiếu Lâm chính nhằm vào lúc loạn lạc ấy. Đến khi Tống Vân đi sứ trở về thì Hiếu Trang đã chết năm, sáu năm rồi, nước ấy đã bị phân chia từ lâu, làm sao có chuyện Hiếu Trang lệnh mở huyệt mộ của Tổ được ?

Theo Đường Sử ghi: Cuối thời Hậu Ngụy có ông tăng là Đạt Ma vượt biển tới đây và đã chết. Năm ấy sứ Ngụy là Tống Vân đi sứ trở về có trông thấy Đạt Ma tại núi Thông Lĩnh, môn đồ mở ngôi mộ chỉ thấy có chiếc dép, là những điều thật sự có ghi chép.

TỔ THỨ HAI ĐÔNG ĐỘ ĐẠI TỔ THIÊN SƯ HUỆ KHẢ

Nhị Tổ Đại Sư Huệ Khả, người Vũ Lao, họ Cơ, cha tên là Tịch. Lúc chưa có con trai, ông thường tự nghĩ: “Nhà ta ưa thiện, há lại không con trai” cầu tự đã lâu, một buổi tối bỗng có ánh sáng lạ chiếu trong nhà, bà mẹ nhân đó mang thai. Đến khi lớn, nhân lấy đèn ánh sáng chiếu hiện trong nhà mà đặt tên là Quang (tức ánh sáng). Từ bé, chí khí cũng đã khác người thông bác thi thư, lại tinh thâm các lý lẽ cao xa. Không màng nghiệp gia sản, ngài chỉ thích đi đó đây ngắm cảnh.

Sau đó, nhân đọc sách Phật mà đắc ý thoát tục, bèn đến Lạc Dương, núi Hương Sơn, chùa Long Môn nương theo Bảo Tịnh Thiên sư mà xuất gia, sau đó thọ giới cụ túc tại chùa Vĩnh Mục chu du khắp Thiên hội, học khắp Đại, Tiểu thừa.

Năm 32 tuổi, ngài trở lại Hương Sơn, suốt ngày tọa Thiền. Lại trải qua 8 năm như vậy. Một hôm, đang lúc ngồi Thiền, chợt thấy một thần nhân hiện ra, nói:

- Ông muốn được đạo quả, sao còn nán nã nơi đây. Truyền pháp đạo lớn không xa, nên đi đến phương Nam.

Tổ biết là thần linh trợ giúp, nhân đó đổi tên là Thần Quang.

Hôm sau, cảm thấy đầu đau nhức như kim châm. Sư phụ ngài muốn cứu chữa, bỗng trên không trung có tiếng:

- Đây là đôi xương cốt, không phải đau nhức thường.

Tổ bèn đem chuyện thấy Thần nhân thuật lại thầy, sư Bảo Tịnh thấy xương trên đầu ngài nhô lên như năm đỉnh núi, bèn nói:

- Hiện tướng điềm lành của ông tất sẽ chứng đạo. Thần báo ông phải sang phương Nam, ở đó có Đại sĩ Bồ Đề Đạt Ma chùa Thiếu Lâm, chắc đó là thầy ông đấy.

Tổ vâng dạy, đi đến Thiếu Thất (Truyện về sự đắc pháp của Tổ đã thuật lại đầy đủ trong chương Đạt Ma, đây không lặp lại).

Từ khi Tổ Đạt Ma ở Thiếu Lâm về Tây, đại sư nối tiếp xiển dương Chánh pháp và tìm khắp người nối pháp.

Đến niên hiệu Thiên Bình, năm thứ hai đời Bắc Tề, có một cư sĩ, tuổi cỡ 40, chẳng báo họ tên, cứ đến trước Tổ đánh lễ mà hỏi rằng:

- Đệ tử mình đầy tật bệnh, thỉnh Hòa thượng sám tội cho.

Tổ bảo:

- Đem tội ra đây ta sám cho.

Cư sĩ im lặng lúc lâu, bạch:

- Con kiếm tội mãi mà chẳng thấy được.

Tổ nói:

- Ta đã sám hỏi cho ông xong rồi đó, ông nên nương theo Phật, pháp, tăng mà an trụ.

Cư sĩ bạch:

- Nay gặp Hòa thượng thì biết thế nào là tăng rồi nhưng xin hỏi cái gì gọi là Phật và pháp ?

- Tâm ấy là Phật, tâm ấy là pháp. Pháp, Phật không hai, Tăng bảo cũng vậy.

Cư sĩ nói:

- Nay mới biết tánh tội chẳng ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, cũng như tâm ấy, Phật và pháp không hai vậy.

Tổ biết đã ngộ, rất coi trọng là pháp khí, bèn cho cạo tóc xuất gia, nói:

- Ông là bảo vật của Phật của ta, nên lấy tên là Tăng Xán (Xán là Xán thối, một loại ngọc quý).

Ngày 18 tháng 3 năm ấy, Tăng Xán làm lễ thọ giới cụ túc tại chùa Quang Phúc. Cũng từ đó, bệnh tật của ngài cũng giảm dần.

Hầu cận thầy được 2 năm. Một hôm, Tổ bảo:

- Bồ Đề Đạt Ma từ Thiên Trúc xa xôi đến đây, đã đem Chánh pháp nhân tạng cùng tâm tín y mật truyền cho ta, nay trao lại cho ông, ông nên giữ gìn, đừng để đứt đoạn. Nghe kệ ta nói:

Phiên âm:

Bản lai duyên hữu địa

Nhân địa chủng hoa sinh

Bản lai vô hữu chủng

Hoa diệt bất tăng sinh.

Tạm dịch:

Xưa nay nhân có đất

Từ đất giống hoa sinh

Xưa nay không có giống

Hoa cũng chẳng từng sinh.

Tổ trao Y và Pháp xong, nói:

- Ông nhận giáo pháp của ta rồi nên tìm vào núi sâu ẩn dật chưa thể đi giáo hóa ngay được, không bao lâu nữa sẽ xảy ra quốc nạn.

Tăng Xán nói:

Thầy đã biết trước, cúi xin chỉ dạy.

Tổ nói:

- Không phải ta biết trước mà đây là lời của Đạt Ma truyền lại lời huyền ký của Bát-nhã Đa-la cho ta: “Trong tâm tuy tốt ngoài lại xấu,

đúng là vậy. Ta so sánh niên đại, chính là nhằm lúc này đây. Ông hãy suy gẫm lời xưa, đừng để vương thế nạn. Còn ta do còn vương nợ nhiều đời trước, nay cần phải trả. Hãy khéo ẩn náu, đợi đến thời cơ hãy đi giáo hóa”.

Tổ giao phó xong, đi đến Nghiệp Đô, tùy nghi mà thuyết pháp. Một lời diễn giải, bốn chúng quy y. Như vậy được 34 năm bèn che dấu thân phận, thay đổi hình tướng, hoặc vào quán rượu, có đến hàng thịt, hoặc đứng làm nhảm giữa đường sá, hoặc theo bọn đầy tớ làm công việc lao nhọc, có người hỏi Tổ:

- Sư là người tu, sao lại như vậy ?

Tổ nói:

- Ta tự điều tâm, có dính dáng gì đến ông đâu mà hỏi !

Tổ đến huyện Quán Thành, dưới cổng chùa Uông Cứu, diễn đạo vô thượng. Người đến nghe đông như rừng vậy.

Lúc ấy có pháp sư Biện Hòa ở trong chùa đang giảng kinh, người học nghe Tổ diễn pháp bên ngoài thì lần lượt rút ra ngoài nghe Tổ giảng. Biện Hòa không dẫn được giận, thóc mách quan huyện là Địch Trọng Khản vu khống Tổ. Địch làm nghe lời sẵn bậy bắt tội Tổ làm việc phi pháp phải chịu gia hình. Tổ điềm nhiên chịu chết. Người rõ việc cho là phải trả món nợ đời trước. Lúc ấy ngài đã 107 tuổi. Nhằm thời Tùy Văn đế, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 13, Quý Sửu, ngày 16 tháng 3.

Di thể Tổ được an táng tại Từ Châu, cách 70 dặm về phía Đông Bắc huyện Phú Dương.

Đến vua Đức Tông nhà Đường truy thụy Tổ là Đại Tổ Thiên sư. Từ lúc sư thiên hóa cho đến năm thứ nhất niên hiệu Cảnh Đức nhà Tống nhằm năm Giáp Thìn là 413 năm.

PHẦN PHỤ LỤC

I. Hạo Nguyệt hỏi Hòa thượng Trường Sa cảnh sầm:

Cổ đức nói: “Rõ suốt thì nghiệp chướng bản lai không, chưa rõ phải nên đền nợ cũ”. Vậy như Tôn giả Sư Tử và Nhị Tổ Đại Sư sao lại phải đền nợ cũ ?

Sa đáp:

- Đại Đức chẳng biết bản lai không.

Hạo Nguyệt:

- Thế nào là bản lai không ?

- Nghiệp chướng đấy.

- Thế nào là nghiệp chướng ?

Trường Sa:

- Bản lai không đó.

Hạo Nguyệt tắt họng. Trường Sa dùng kệ chỉ dạy:

Phiên âm:

Giả hữu nguyên phi hữu

Giả diệt diệt phi vô

Niết-bàn thường trái nghĩa

Nhất tánh cánh vô thù.

Tạm dịch:

Giả có vốn chẳng có

Giả diệt cũng chẳng không

Niết-bàn nghĩa đền nợ

Một tánh chẳng riêng gì.

(Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 1)

II. Tổ đời thứ hai:

Sa-môn Huệ Khả, triều Tề ở đất Nghiệp, kế thừa Thiên sư Đạt Ma. Thiên sư Huệ Khả họ Cơ, người Vũ Lao. Năm 14 tuổi gặp Thiên sư Đạt Ma du hóa ở Tung Sơn - Lạc Dương, phụng thờ ngài suốt 6 năm trời, tinh chuyên nghiên ngẫm về đạo Nhất thừa dựa vào huyền lý, lược nói về phép tu, cùng yếu pháp Minh tâm thật sự lên quả Phật. Kinh Lăng Già chép: “Quán tịch tịnh của Mâu Ni là viễn ly sanh tử, gọi đó là pháp

chẳng nắm bắt. Đòi nay đòi sau, khắp tất cả mười phương chư Phật, nếu có người chẳng nhân tọa Thiền mà thành Phật, thật chẳng có việc ấy”. Kinh Thập Địa chép: ‘Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương, giống như vàng mặt trời, thể sáng tròn đầy, rộng lớn vô biên, chỉ vì bị mấy tầng mây ngũ âm ngăn che, nên chúng sanh không thấy được. Nếu gặp được gió trí thổi bạt năm âm, mây dày diệt hết, Phật tánh chiếu soi, tròn đầy sáng rỡ’.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, nhưng lại giống như ánh đèn trong bình, không thể chiếu ra, bên ngoài, cũng giống như mây mù trong thế gian, tám phương đều nổi lên, thiên hạ mờ tối, ánh sáng mặt trời được sáng trong ư? Ánh sáng mặt trời thật chẳng hề hư hoại, mà chỉ bị mây mù che lấp đầy thôi. Bản tánh thanh tịnh của hết thảy chúng sanh lại cũng như thế, chỉ vì cái kiến chấp phan duyên, vọng niệm và bao lớp mây phiền não che lấp mà đạo Thánh không thể lộ rõ ra. Nếu vọng niệm chẳng sanh, mặc nhiên ngồi tịnh, thì mặt trời Đại Niết-bàn tự nhiên chiếu sáng rõ ràng”. Sách thế tục chép: “Băng sanh từ nước mà băng làm ngăn ngại nước”. Băng tan thì nước thông. Cũng thế, vọng khởi từ chơn mà vọng làm mê mờ chơn.

Vọng hết thì chơn hiện, tức biển tâm lắng trong, Pháp thân thì rỗng rang thanh tịnh. Cho nên, người học mà dựa vào ngôn ngữ văn tự để làm đạo thì như đèn trước gió, chẳng thể phá được tối tăm, ngọn lửa vừa ánh lên liền tắt. Còn như ngồi tịnh vô sự thì cũng giống như đèn để trong nhà kín, có thể phá trừ được tối tăm, soi sáng vật rõ ràng.

Nếu rõ nguồn tâm thanh tịnh, thì tất cả nguyện đầy đủ, hết thảy hạnh tràn đầy. Tất cả việc tu hành đều xong, chẳng thọ thân sau. Được Pháp thân như thế này thì Hằng hà sa số chúng sanh không có ai vượt qua được. Trong ức ức kiếp, mới có người tương ưng. Nếu tinh thành chẳng phát bên trong, thì dù gặp Hằng hà sa chư Phật trong ba đời cũng không làm được gì. Do đó, biết tâm thức của chúng sanh tự độ, chớ Phật không độ chúng sanh. Nếu Phật độ được chúng sanh, thì trong quá khứ

đã gặp vô lượng Hằng hà sa chur Phật, có sao chúng ta chẳng thành Phật ? Chỉ là do tinh thành chẳng phát bên trong, nên miệng nói được, nhưng tâm chưa được. Rốt cuộc chẳng tránh khỏi việc theo nghiệp thọ thân hình. Cho nên, Phật tánh giống như thiên hạ có mặt trăng, mặt trời. Trong gỗ có lửa, trong thân người có Phật tánh, cũng gọi là đèn Phật tánh, cũng gọi là gương Niết-bàn. Thế nên, gương Đại Niết-bàn sáng hơn mặt trời, mặt trăng, trong ngoài viên tịnh vô biên, vô tế. Giống như luyện vàng, chất vàng chảy hết, tánh vàng chẳng hư hoại. Tướng sanh tử của chúng sanh diệt, nhưng Pháp thân chẳng hoại, cũng như bùn đất hoại, sóng diệt, nhưng tánh nước chẳng hư hoại gì.

Tướng sanh tử của chúng sanh diệt, song Pháp thân chẳng hoại, vì có công tọa Thiền thì trong thân tự chứng. Bánh vẽ còn chưa ăn được, nói ăn suông há có thể khiến cho no được sao ? muốn bỏ đi cái nghệt trước, trái lại còn khiến cái ứ sau kiên cố hơn. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thí như người nghèo cùng, đêm ngày đếm tiền cho người khác, riêng mình không có lấy một phân tiền”. Nghe biết nhiều cũng như vậy. Lại nữa, người đọc nên tạm xem qua rồi gấp phải mau loại bỏ. Nếu không xả bỏ, lại theo cùng văn tự, thì có khác gì sắc nước bồng để cầu được băng, nấu nước sôi mà tìm tuyết. Thế nên, chur Phật nói chỗ đáng nói, hoặc nói cái không nói. Trong thật tướng của chur pháp, không nói nhưng không gì là chẳng nói. Hiểu điều này thì có thể suy ra để hiểu nhiều điều khác. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Chẳng thật, chẳng hư, chẳng giống, chẳng khác”. Pháp chân thật mà Đại sư nói đều thật ta như thế cùng với lẽ u huyền chân thật, rốt cuộc chẳng khác. Vốn đã làm ma-ni là ngôi sạn, thì làm sao có thể biết đó là châu báu thật. Vô minh và trí huệ không khác nhau, nên phải biết vạn pháp thấy đều nhất như. Vì thương xót cho bọn nhị kiến ấy, nên ta mới dọn lời hạ bút viết sách này. Quán thân và Phật chẳng sai khác thì cần gì tìm Vô dư Niết-bàn kia nữa”. Lại nói: “Lúc ta phát tâm cắt một cánh tay, từ đầu hôm đứng trong tuyết cho đến canh ba, chẳng hay tuyết lấp quá đầu gối, để cầu Đạo Vô thượng”. Trong quyển

thứ bảy của Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Phương Đông vào chánh thọ, phương Tây Tam-muội (thiền định) đầy. Phương Tây vào chánh thọ, phương Đông Tam-muội đầy. Nơi nhãn căn nhập chánh thọ thì ở trong sắc pháp Tam-muội đầy, thị hiện sắc pháp chẳng nghĩ bàn. Hết thấy trời người không ai có thể biết”.

Nơi sắc pháp ấy nhập vào chánh thọ (chánh định) thì nơi mắt khởi niệm định chẳng loạn. Quán mắt không sanh, không tự tánh. Nói không, tịch diệt, không chỗ có. Cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thân đồng tử nhập vào chánh thọ thì vào tuổi tráng niên Tam-muội khởi. Thân tráng niên nhập vào chánh thọ thì tuổi già Tam-muội đầy. Thân tuổi già nhập vào chánh thọ, thì thân người thiện nữ đầy Tam-muội. Thân thiện nữ nhập chánh thọ thì nơi thân thiện nam tử đầy Tam-muội. Thiện nam tử nhập chánh thọ thì thân Tỷ-kheo-ni đầy Tam-muội. Thân Tỷ-kheo-ni nhập chánh thọ thì thân Tỷ-kheo Tam-muội đầy. Thân Tỷ-kheo vào chánh thọ thì học và vô học đầy Tam-muội. Học và vô học vào chánh thọ thì nơi thân Duyên giác đầy Tam-muội. Thân Duyên giác vào chánh thọ thì nơi thân Như Lai Tam-muội đầy. Lỗ chân lông vào chánh thọ thì hết thấy lỗ chân lông đầy Tam-muội. Hết thấy lỗ chân lông vào chánh thọ thì một đầu lông Tam-muội đầy. Một đầu lông vào chánh thọ thì tất cả đầu lông Tam-muội đầy. Tất cả đầu lông vào chánh thọ thì mây trần đầy Tam-muội. Một mây trần nhập chánh thọ, thì mọi mây trần đầy Tam-muội. Nước ở biển lớn vào chánh thọ, nơi lửa mạnh đầy Tam-muội. Một thân có thể tác thành vô lượng thân. Lấy vô lượng thân làm thành một thân. Hiểu điều này thì có thể suy ra tự biết muôn vật cũng như vậy.

(Theo **Lăng Già Sư Tư Ký**)

THIÊN SƯ TĂNG NA
BÀNG XUẤT CỦA NHỊ TỔ HUỆ KHẢ

Sư họ Mã, ngay khi còn niên thiếu đã thần tuấn, thông cứu mọi phần điển thế tục. Năm 21 tuổi giảng Lễ, Dịch ở Đông Hải, người nghe đông đầy như chợ. Đến khi xuôi nam, người học cũng theo về. Gặp lúc Nhị Tổ thuyết pháp, sư cùng 10 người đồng chí đầu Tổ xuất gia. Từ đó tay không cầm bút, mãi mãi quên bỏ thế điển, chỉ có một y, một bát, một ngò, một ăn, phụng hạnh đầu-đà. Về lâu sau hầu thị bên Tổ.

Về sau, sư nói với môn nhân Tuệ Mãn:

- Tâm ấn của Tổ sư không phải chỉ chuyên khổ hạnh mà là trợ đạo vậy. Nếu một khi khế hiệp bốn tâm thì có thể tùy ý phát huy cái dụng của chân quang, tức khổ hạnh như nắm bắt đất thành vàng. Cho nên nếu chỉ chuyên lo khổ hạnh mà quên mất bản tâm bị lòng thương ghét trói buộc thì khổ hạnh chẳng khác nào như đi trên đường hiểm lúc đêm tối không trăng vậy. Ông nếu muốn khai sáng bốn tâm thì phải suy xét thâm đế. Gặp hình, gặp tiếng lúc chưa khởi giác quan thì tâm thế nào. Không chãng, có chãng ? Nếu đã không hỏi chỗ có, không, thì viên ngọc tâm riêng sáng rực thường chiếu khắp thế gian, mà không nhận bất cứ hạt bụi nào ngăn cách, chưa từng có tướng dứt nối trong một sát-na, cho nên Sơ Tổ của chúng ta mới trao luôn 4 quyển kinh Lăng Già mà nói với Tổ thứ hai của ta rằng: “Ta quán thấy nước Chấn Đán (Trung Hoa) chỉ có kinh này là khả dĩ ấn tâm mà thôi. Nhân giả hãy y theo đó mà phụng hành, đương nhiên độ được thế”. Lại Nhị Tổ sau mỗi lần thuyết pháp xong đều nói: “Kinh này bốn đời sau sẽ biến thành danh tướng, ôi đau buồn biết bao ! Ta nay trao cho ông hãy khéo hộ trì. Gặp kẻ không ra gì thì chớ có truyền trao”.

Trao dặn xong, sư bèn du phương, không biết cuối đời thế nào.

THIÊN SƯ TUỆ MÃN
CHÙA LONG HÓA TƯỜNG CHÂU

BÀNG XUẤT CỦA NHỊ TỔ HUỆ KHẢ

Sư họ Trương, người Vinh Dương. Ban sơ, tại bốn tự gặp Thiên sư Tăng Na khai thị. Tánh sư rất tần tiện, chỉ sắm hai cây kim, mùa đông thì dùng để vá quần áo, mùa hè thì cất đi. Sư tự nói một đời tâm chưa hề sợ hãi, thân thể không có chí rận rệp, ngủ không nằm mộng, thường đi khát thực, không ngủ nơi nào hai đêm, tới chùa nào cũng đẽo củi làm guốc.

Năm thứ mười sáu niên hiệu Trinh Quán, tại chùa Hội Thiện ở Lạc Dương qua đêm cạnh ngôi mộ cũ gặp trời trở tuyết. Sáng hôm sau, sư vào chùa gặp pháp sư Đàm Khoáng. Pháp sư Đàm Khoáng kinh ngạc chỗ sư từ đó đến đây, sư nói:

- Pháp có lại sao ?

Khoáng bảo tìm chỗ từ đó đến đây thì thấy bốn bề tuyết phủ dày đến 5 thước (Tàu). Khoáng nói:

- Không thể hiểu nổi.

Về sau, nghe tin ưa xét lý lịch, chư tăng đều bỏ trốn hết, chỉ có sư là ôm bình khát thực khắp xóm làng, chẳng có chi trở ngại, Sư bình thường trước chuyện được mất, chỉ chuộng hư nhàn.

Có người thỉnh độ trai, sư nói:

- Thiên hạ không có tăng mới nhận lời thỉnh mời này.

Sư lại từng chỉ thị mọi người rằng:

- Chư Phật nói đến tâm là khiến cho biết tâm tướng là hư vọng. Nay lại quá tôn trọng tướng của tâm, là trái ngược xa ý của Phật, lại tăng thêm nghị luận, hết sức khác xa đại đạo lý. Cho nên thường mang theo kinh Lăng Già 4 quyển để làm tâm yếu, y theo lời trong kinh mà thực hành. Đó là tuân theo lời dặn dò của bao nhiêu đời chư Tổ Phật vậy.

Sau sư tại lò đúc kim loại không bình tậ gì ngòì im mà thiên hóa, thọ 70 tuổi.

Cư Sĩ HUỚNG **BÀNG XUẤT CỦA NHỊ TỔ HUỆ KHẢ**

Cư sĩ ở sâu trong rừng rú hoang dã, ăn cây cỏ, uống nước khe. Năm đầu niên hiệu Thiên Bảo đời Bắc Tề, nghe Nhị Tổ thanh hóa đạo pháp, bèn đưa thư thông hảo rằng: “Ảnh do hình khởi dậy, âm hưởng đuồi theo tiếng mà đến. Lộng ảnh né hình mà không biết hình là gốc của ảnh. La to để ngăn dừng tiếng, mà không biết la to là gốc của tiếng. Trừ phiền não để đến Niết-bàn chẳng khác nào bỏ hình mà tìm ảnh. Rời xa chúng sanh để cầu quả Phật cũng giống như nín khe mà tìm tiếng. Do đó mà thấy rằng mê ngộ một con đường thôi, còn kẻ ngu người trí không khác nhau. Không có tên nào có thể gọi tên, cho nên nếu nương theo danh thì phải trái liên sanh. Không có lý nào để làm lý. Nếu bằng vào lý thì tranh luận nổi lên vậy. Áo hóa không thật, ai phải, ai trái. Hư vọng chẳng thật, có đâu không, có đâu có. Thế mới biết được cái vốn không thể được, mất cái không thể mất. Chưa kịp đến tham yết, tạm nêu mấy ý, mong được hồi đáp”.

Đại sư Nhị Tổ bảo đem bút mực tới hồi đáp chỉ thị rằng:

“Xem kỹ ý tứ gửi tới đều như thật, lý chân u lại chẳng khác, vốn mê lầm ngọc ma-ni là ngói gạch, bỗng nhiên tự biết ra đó là trân châu. Vô minh và trí tuệ vốn không khác nhau. Nên biết vạn pháp tức đều như. Thương thay cho đám chấp nhị kiến, nghĩ lời, hươ bút viết thư này. Quán thân cùng Phật chẳng sai khác, cần gì tìm vô dư của Phật”.

Cư sĩ nâng thư của Tổ lên xem xong, bèn đích thân đến tham yết, mật thừa ấn ký.

TỔ THỨ BA GIÁM TRÍ THIÊN SƯ TĂNG XÁN

Tam Tổ đại sư Tăng Xán, chẳng rõ gốc gác, quê quán cùng tên họ thế tục. Đầu tiên ra mắt Nhị tổ trong hình dạng cư sĩ, sau khi được thọ giới, truyền pháp, Tổ lui về ở ẩn tại Thụ Châu, núi Hoàn Công.

Thời Hậu Chu, vua Võ Đế hủy diệt Phật pháp, Tổ phải tới lui núi Tử Sơn, huyện Thái Hồ. Chẳng ở nơi nào cố định trong hơn 10 năm, mọi người bấy giờ đều không biết đến Tổ. Đến thời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 12, Nhâm Tý, có sa-di Đạo Tín mới 14 tuổi, đến lễ Tổ nói:

- Nguyễn Hòa thượng từ bi ban cho con pháp môn cõi mở.

Tổ hỏi:

- Ai trói buộc ông ?

Đáp:

- Chẳng ai buộc cả.

- Vậy có gì phải cởi mở.

Đạo Tín nghe vậy tức thì đại ngộ. Đoạn theo hầu cận Tổ trong 9 năm, sau đó thọ giới tại Cát Châu. Ngài càng tận tâm hầu thầy, Tổ thường nêu lẽ huyền vi để thử biết cơ duyên đã muối, bèn truyền thụ y và pháp, sau đó đọc kệ:

Phiên âm:

Hoa chủng tuy nhân địa

Tùng địa chủng hoa sinh

Nhược vô nhân hạ chủng

Hoa địa tận vô sinh.

Tạm dịch:

Giống hoa tuy nhờ đất

Từ đất, giống hoa sinh

*Nếu người không gieo giống
Hoa đất thấy không sinh.*

Tổ căn dặn:

- Xưa, Khả Đại Sư truyền Pháp cho ta, sau đó đến Nghiệp Đô hành hóa 30 năm mới tịch. Nay ta được ông thì còn nấn ná lại đây chi nữa ?

Liên đến núi La Phù, ưu du trong 2 năm, đoạn trở về chỗ cũ chỉ hơn tháng, mọi người hay tin đã kéo nhau đến thiết đàn cúng dường. Tổ tuyên giảng tâm yếu Phật pháp cho bốn chúng xong đoạn chấp tay dưới cội cây lớn thị tịch.

Khi ấy nhằm thời Tùy Dạng Đế, niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ hai, Bính Dần, ngày 15 tháng 10. Vua Đường Huyền Tông thụ phong ngài là Giám Trí Thiền sư, tháp hiệu Giác Tịch.

Tới năm đầu niên hiệu Cảnh Đức Hoàng Tông ta, nhằm năm Giáp Thìn là 400 năm. Đến đầu đời Đường, quan Lĩnh doãn Hà Nam là Lý Thường vốn mộ đạo phong của Tổ, hiểu thâm sâu huyền chỉ. Vào năm Ất Dậu, Lý gặp đại sư Hà Trạch Thần Hội hỏi rằng:

Đại sư Tam Tổ Tăng Xán chôn ở nơi nào ? Có người nghe nói Tổ vào núi La Phù rồi không thấy trở ra. Có người nói Tổ qua đời trong chùa Sơn Cốc, chẳng biết cái nào là đúng ?

Thần Hội đáp:

- Đại sư Tăng Xán từ núi La Phù trở về chùa Sơn Cốc hơn tháng rồi mới thị diệt. Nay ở Thư Châu có mộ của Tam Tổ.

Lý Thường vẫn chưa tin hẳn. Lý Thường sau đó bị biếm trích làm biệt giá Thư Châu, nhân đó hỏi tăng chúng chùa Sơn Cốc rằng:

- Nghe nói phía sau chùa có mộ Tam Tổ phải không ?

Lúc ấy, thượng tọa Tuệ Quang đáp:

- Có đấy.

Lý Thường cùng liêu thuộc vui mừng đến chiêm lễ. Sau đó khai quật phần mộ đem chân nghi hỏa thiêu, được xá-lợi năm màu 300 viên, bỏ tiền lương ra xây tháp cúng dường. Lấy 100 viên tặng tại sư Thần

Hội để chứng minh lời Sư nói trước đó, còn 200 viên mang theo mình, về sau, nơi tư dinh ở Lạc Trung, Lý thiết trai để ăn mừng. Lúc đó, có Tam Tạng ở Tây Vực là Kiên Na ở trong hội. Thường hỏi Tam Tạng:

- Bên Thiên Trúc, Tổ sư Thiên môn nhiều ít ?

Kiên Na đáp:

- Từ Ca-diếp đến Bát nhã Đa-la có 27 Tổ. Nếu trung tập bàn xuất của Tổ Sư Tử là Đạt Ma Đạt bốn đời 22 người thì tổng cộng là 49 Tổ. Nếu tính từ bảy Phật cho đến đại sư Xán, chẳng tính tổng quát bàn xuất thì có 37 Tổ.

Thường lại hỏi các lão túc trong hội rằng:

- Từng xem bản đồ các Tổ, thấy hoặc dẫn hơn 50 Tổ, hoặc nơi các chi phái khác nhau, Tông tộc chẳng ổn định, hoặc giả có người tên bỏ trống, lấy gì mà kiểm nghiệm...

Lúc đó, có Thiên sư Trí Bồn là môn nhân của Lục Tổ đáp rằng:

- Đó là buổi đầu đời Hậu Ngụy, Phật giáo suy vi. Có Sa-môn Đàm Diệu trong cảnh phân vân đó bèn lấy lụa trắng ghi chép ra tên tuổi các Tổ, hoặc các chỗ quên mất thứ tự, giấu vào trong tay áo, ẩn nơi hang núi, trải 35 năm. Đến khi Văn Thành Đế lên ngôi, pháp môn trung hưng, Đàm Diệu danh hạnh đều đáng tôn sùng liền được làm Tăng Thống, bèn tập hợp các Sa-môn, thông nghị lại việc kết tập, đặt tựa là Phó Pháp Tạng Truyện. Trong đó có chút sai trật là do Đàm Diệu lúc sao chép quá sợ hãi mà ra. Lại trải qua 13 năm nữa, Đế xuống lệnh cho Quốc Tử Bác Sĩ Hoàng Nguyên Chân cùng các Tam Tạng Bắc Thiên Trúc là Phật-đa-phiến-đà, Cát-phát-yên nghiên cứu lại Phạn văn, làm sáng tỏ Tông chỉ, kể đó kết tập sư thừa, khiến không còn lầm lẫn lộn xộn nữa.

II- Tổ đời thứ ba:

Vào đời nhà Tùy, Thiên sư Xán ở núi Tư Không Thụ Châu, kế thế Thiên sư Huệ Khả. Không rõ Thiên sư Xán này họ gì ? Chẳng biết được nơi sinh của ngài. Xét Tục Cao Tăng truyện, người nối pháp của Huệ Khả là Thiên sư Tăng Xán, ẩn cư ở núi Tư Không. An nhiên ngồi tịnh

nơi thanh vắng, chẳng viết sách vở, bí mật chẳng truyền Pháp. Chỉ có tăng Đạo Tín phụng thờ ngài suốt 12 năm thành tựu mọi điều kiện pháp khí truyền đăng.

Tăng Xán ấn chứng chỗ Đạo Tín thấy rõ Phật tánh, bèn nói với Đạo Tín rằng:

- Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ một việc này, thật không có hai, cũng không có ba”. Cho nên mới biết Đạo Thánh u thông, chỗ nói giải chẳng theo kịp. Pháp thân không tịch, chỗ thấy nghe chẳng nắm bắt kịp, tức vẫn tự ngữ ngôn, chỉ là toan tính thi thiết, lao nhọc vô ích mà thôi. Đại sư nói: “Người đời đều quý ngời mà qua đời, khen là kỳ lạ. Nay ta đứng mà hóa, sống chết tự do”.

Nói xong ngài bèn đưa tay vịn cành cây an nhiên thị tịch ở chùa Nghệ Công.

Trong chùa còn thấy có ảnh thờ. Sách Tường Huyền rằng: “Chỉ một sự thật sâu rộng mà than ôi muôn tướng đầy đầy rối rắm. Chơn, tục khác mà thể thì đồng. Phạm, Thánh phân chia mà Đạo thì hợp. Tìm bờ thì mênh mông không ngăn mé, xa thăm không cùng, bắt nguồn ở vô thi, cùng cực ở vô chung. Tỏ và mê ở đây cùng thông suốt, nhiễm cùng tịnh đó đều dung nhiếp. Phủ trùm không hữu mà tịch tánh. Bao quát vũ trụ mà thông đồng. Nếu là vàng ròng thì chẳng kém vòng ngọc. Nước đầy chẳng sợ sóng lẫn tăn. Kinh dạy: “Nếu tỏ lý không có khoảng xen tạp. Cho nên tuyệt dứt bàn bạc về bờ mé. Tánh chẳng do vật tạo. Cho đến ngưng bật nghị luận về thi chung. Cho nên sáng, tối dứt hết ở cửa bất nhị, thiện ác dung hiệp nơi đạo nhất tướng. Điều đó là không động mà chẳng tịch, không khác mà chẳng đồng. Như nước là sóng, vàng là thể của món đồ trang sức. Vàng là thể cho nên, không có món trang sức nào chẳng là chất vàng. Sóng là dụng của nước cho nên cũng không có sóng nào mà khác nước. Quán vô ngại đối với duyên khởi. Tin tánh vật khó nghĩ, giống như điện báu rũ châu, tựa như dao dài treo kiếng. Đây kia khác mà nhập vào nhau. Hồng, tía phân chia mà giao hòa ánh sáng. Vật

chẳng kẹt ở ta, người. Sự chẳng nương nơi tà chánh. Mây trần hợp đại thiên pháp giới. Sát-na gồm thời gian của ba đời. Sợ rằng lời nói khó tin, nhờ lưới ngọc của trời Đế Thích để trừ nghi hoặc. Dù che lấp mắt ngắm nhìn, có thể nhờ nhận thức mà biết được. Chú rằng: Đây là làm sáng tỏ cái duyên khởi sâu kín. Lưới trời và pháp giới; một tức là tất cả, tham dự nhau mà chẳng đồng. Cho nên rõ ràng là vật tướng không có tự nó mà có thật, khởi tất nương vào lẽ thật mà dung nhiếp, do tướng cũng không có ngăn ngại. Lớn, nhỏ tuy khác nhau nhưng giống như sự tương nhập của ảnh và kiếng. Cái khác nhau của đây kia như hình bóng phản chiếu lẫn nhau trong các hạt châu trong lưới ngọc của Trời Đế Thích, tức một là tất cả, tất cả là một.

Duyên khởi không ngăn ngại, lý lẽ luôn như vậy. Cho nên mới biết đại thiên bao la rộng lớn trú nơi mây trần mà chẳng chật. Ba đời lâu dài, tóm lại khoảng thời gian ngắn mà có thể dung chứa. Tự mình mà có thể thấy suốt từ bên ngoài của thành vàng mà rõ ràng không sai chạy. Nhập thân vào trong vách đá, chưa từng có ngăn cách. Vì thế Thánh nhân được lý hình thành ra dụng. Nếu lý chẳng rõ ràng, thì Thánh không có năng lực ấy. Hiểu thì lý thông. Ngăn ngại là do tình sự sáng suốt của con mắt thấy khắp có thể biết đúng như thật cũng như khi vướng xiềng xích mà dừng việc nhảy nhót, rấn vào ống đồng mà phải đổi hình thể uốn cong thành ngay. Qua biển rộng phải nhờ thuyền Giới. Soi hang sâu phải thấp đuốc Tuệ (Chú rằng: khi mang xiềng xích là dụ cho giới chế ngự tâm. Rấn vào ống đồng là dụ cho định ngưng loạn động. Luận Trí Độ chép: Rấn bò cong queo, vào ống đồng liền thẳng. Thiên định chế tâm, cũng lại như vậy. Phẩm Tam Thân của Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng chép rằng: “Dầu Phật có ba tên gọi, nhưng mà không có ba thể”).

(Theo **Lăng Già Sư Tư Ký**)

TỔ THỨ TƯ ĐẠO TÍN

THIÊN SƯ ĐẠI Y

Tổ thứ tư Đại Sư Đạo Tín, họ Tư Mã, Dòng họ lâu đời ở Hà Nội, sau dời đến huyện Quảng Tế, Kỳ Châu. Lúc sinh đã dị thường. Từ bé đã ưa chuộng các môn học giải thoát của Phật giáo, như thể đã tích tập từ đời trước kia vậy.

Sau khi nổi môn phong Tổ, nhiếp tâm không hề nằm ngủ, không ngã lưng xuống chiếu suốt 60 năm.

Thời nhà Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp, năm thứ mười ba, Tổ thống lãnh đồ chúng đi đến Cát Châu, gặp lúc bọn giặc vây thành đến 70 ngày vẫn chưa giải vây được, muôn dân trong thành sợ hãi. Tổ bèn thương tình dạy họ niệm Ma-ha Bát-nhã. Bên ngoài, bọn giặc nhìn lên bờ thành thấy như có thần binh xuất hiện. Chúng bảo nhau:

- Bên trong thành chắc có dị nhân, không thể công phá càn bừa được.

Đoạn dần dần rút bỏ đi.

Đời Đường niên hiệu Vũ Đức, năm Giáp Thân, Tổ trở lại Kỳ Xuân, trụ tại Phá Đầu Sơn, người đến thọ học rất đông.

Ngày nọ, ngài đến huyện Hoàng Mai, trên đường gặp một đứa bé, cốt tướng thanh tú, kỳ lạ, khác hẳn những trẻ bình thường khác.

Tổ hỏi:

- Con tánh (họ) gì ?

- Tánh thì có, nhưng không phải tánh thường.

Tổ hỏi:

- Là tánh gì ?

Đứa bé đáp:

- Là tánh Phật.

Tổ hỏi:

- Con không có tánh (họ) à ?

Đáp:

- Tánh vốn không, nên không có.

Tổ biết ngay đây là pháp khí. Ngài bảo thị giả đến nhà đưa bé, xin cho nó được phép xuất gia. Người mẹ cho là vốn có túc duyên, mặt không lộ vẻ từ chối, liền cho con xuất gia theo Tổ làm đệ tử cho đến khi được phó Pháp, truyền Y. Tổ đọc kệ:

Phiên âm:

Hoa chủng hữu sanh tánh
Nhân địa hoa sanh sanh
Đại duyên dữ tánh hợp
Đương sanh, sanh bất sanh.

Tạm dịch:

*Giống hoa có tánh sanh
Do đất hóa nảy sanh
Đại duyên cùng tánh hợp
Đương sanh, sanh chẳng sanh.*
Rồi giao học đồ cho để lập môn phái.
Một hôm, Tổ nói cùng đồ chúng:

Thời Vũ Đức, ta du ngoạn đến Lư Sơn, leo lên đến chóp đỉnh, nhìn qua núi Phá Đầu, thấy mây sắc tía như cái lộng che, bên dưới có khí trắng, quyện quanh qua sáu luồng. Các ông có biết là gì không ?

Chúng đều im lặng.

Hoằng Nhẫn nói:

- Há có phải sau này Hòa thượng sẽ nảy sinh một chi Phật pháp đó không ?

Tổ nói:

- Đúng.

Vào thời Trinh Quán, năm Quý Mão, vua Thái Tông mộ đạo vị của Tổ, muốn chiêm ngưỡng phong thái nên xuống chiếu triệu về kinh. Tổ dâng biểu từ chối, trước sau 3 lần ngài đều lấy cớ đau ốm thoái từ. Lần thứ tư, vua lệnh sứ giả, nói:

- Nếu mời không được, hãy mang thủ cấp về đây.

Sứ giả lên núi tuyên chỉ dụ. Tổ liền ngựa cồ chờ chém, thần sắc vẫn thản nhiên. Sứ lấy làm kinh dị, trở về tâu lại tình trạng, vua nghe càng thêm khâm mộ, bèn gửi đến Tổ vài quý cúng dường, để Tổ toại chí lưu lại núi.

Đến đời vua Cao Tông, niên hiệu Vĩnh Huy, năm nhuận Tân Hợi, ngày 4 tháng 9. Tổ bỗng dặn dò môn nhân rằng:

- Hết thầy các pháp đều là giải thoát. Các ông đều phải tự hộ niệm, truyền bá đời sau.

Nói xong, ngài ngồi yên thị tịch, thọ 72 tuổi, tháp lập ngay tại núi Phá Đầu.

Năm sau, ngày 8 tháng 4, cửa tháp bỗng dung mở ra, nghi dung Tổ vẫn như lúc sống. Sau đó, môn nhân không dám đóng tháp cửa nữa.

Vua Đại Tông thụ phong ngài hiệu Đại Y Thiên sư, tháp là Từ Vân. Từ lúc Tổ viên tịch đến năm đầu niên hiệu Cảnh Đức Hoàng Tống ta là 356 năm.

PHẦN PHỤ LỤC:

I. Đứa bé hỏi rằng:

- Chư Phật, Thánh hiền xưa ẩn chứng thế nào ?

Đạo Tín đáp:

- Trống không ! Trống không !

Đứa bé nói:

- Nếu thế thì không có Phật, Thánh gì cả !

Đạo Tín nói:

- Cũng còn cái màu mè đó !

(Theo **Tổ Đường Tập** quyển 2)

II. TÔ ĐỜI THỨ TƯ

Triều nhà Đường, Thiên sư Đạo Tín ở núi Song Phong (Kỳ Châu), kế thừa Thiên sư Tăng Xán. Thiên sư Đạo Tín, mở rộng Thiên môn, có soạn quyển Bồ-tát Giới Pháp, lưu hành trong đời. Lại trước tác Nhập

Đạo An Tâm Yếu Phương Tiện Pháp Môn vì kẻ hữu duyên căn cơ đã thuần phục. Ngài nói:

- Pháp này của ta cốt yếu y theo kinh Lăng Già: “Tâm chư Phật là hơn hết”. Lại theo lời kinh Văn Thù Thuyết Bát-nhã ghi: “Nhất hạnh Tam-muội nghĩa là ngay nơi tâm niệm Phật chính là Phật, còn vọng niệm tức là phàm phu”. Kinh Văn Thù Thuyết Bát-nhã chép: “Văn Thù Sư Lợi nói: “Thưa Thế Tôn ! Tại sao nói nhất hạnh Tam-muội ?”. Phật nói: “Pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới, gọi là nhất hạnh Tam-muội. Như các thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn vào nhất hạnh Tam-muội, thì trước hết phải nghe Bát-nhã. Như pháp giới duyên không thoái không hoại, không thể tư nghì, vô ngại, vô tướng. Thế thì vào nhất hạnh Tam-muội liền biết pháp giới của Hằng hà sa chư Phật, không tướng sai biệt. Ôi, thân tâm nhỏ bé này giơ chân hạ chân, đều tại đạo tràng. Thi thiết cử động, đều là Bồ-đề. Kinh Phổ Hiền Quán chép: “Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng sinh ra, nếu muốn sám hối thì phải ngồi ngay ngắn mà niệm thật tướng, gọi là đệ nhất. Sám hối trừ sạch cả ba tâm độc là tâm phan duyên, tâm giác quán và tâm niệm Phật. Tâm tâm nối tiếp, bỗng nhiên tịch lặng, rốt cùng không còn sở duyên niệm. Kinh Đại Phẩm chép: “Vô sở niệm, gọi là niệm Phật”. Cái gì gọi là vô sở niệm ? Ngay nơi cái tâm niệm Phật gọi là Vô Sở Niệm. Rời tâm không có Phật nào khác, rời Phật không có tâm nào khác. Niệm Phật tức là niệm tâm. Cầu tâm tức là cầu Phật. Tại sao thế ? Thức vô hình, Phật cũng vô hình, vô tướng mạo. Biết đạo lý đó tức là tâm. Thường nhớ niệm Phật thì phan duyên không dấy, tức lặng lẽ vô tướng, bình đẳng không sai biệt. Vào cảnh vị đó, tâm niệm Phật ngưng, rốt lại không cần (hỏi), liền xem các loại tâm ấy đều là thân pháp tánh chân thật của Như Lai, cũng gọi là Chánh pháp, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là thật pháp, thật tánh của mọi pháp thật tế, cũng gọi là Tịnh Độ cũng gọi là Bồ-đề Tam-muội, Bản giác v.v... cũng gọi là Niết-bàn giới, Bát-nhã... Tâm tuy vô lượng nhưng đồng một thể, cũng hàm ý vô năng quán sở

quán. Các tâm ấy, muôn khiến thanh tịnh thường hiện tiền trước mắt thì tất cả mọi duyên đều không được tán loạn. Tại sao thế ? Bởi vì tất cả mọi sự đều là Pháp thân Như Lai. An trụ trong Tâm này thì các kiết sử, phiền não tự nhiên trừ diệt. Tại một mảy trần, gồm cả vô lượng thế giới. Vô lượng thế giới gom lại trên đầu sợi lông. Mọi sự vật vẫn y nguyên như cũ mà không ngăn ngại nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Có một quyển kinh thì trong mảy bụi, thấy đủ việc tam thiên đại thiên thế giới”. Ở đây chỉ lược nêu an tâm, không thể kể đủ. Trong đó cái thiện xảo xuất phát từ tâm. Lược nêu cũng vì chuyện nghi của kẻ hậu sanh mà tạm đặt ra câu hỏi: “Pháp thân Như Lai đã như thế thì sao lại còn có thân gồm 32 tướng tốt hiện thân thuyết pháp?”. Và ngài tự đáp: “Chính vì thân pháp tánh của Như Lai, thanh tịnh viên mãn nên mọi loài hình tướng đều hiện ra trong đó, nhưng thân pháp tánh, chẳng có tâm khởi tác, như kiếng pha lê, treo tại nhà chánh, tất cả hình tượng đều hiện trong đó. Kiếng cũng không tâm vậy mà có thể chiếu hiện đủ thứ. Kinh chép: “Như Lai ra đời thuyết pháp là vì vọng tưởng của chúng sanh”. Nay nếu hành giả tu tâm tịnh cả, thì biết Như Lai thường chẳng thuyết pháp, Người mới chính là kẻ cụ túc đa văn. Tất cả nghe đều vô tướng. Do đó mà kinh nói: “Chúng sanh căn vô lượng, cho nên thuyết pháp vô lượng. Do thuyết pháp vô lượng mà nghĩa cũng gọi là vô lượng nghĩa. Cho nên vô lượng nghĩa do một pháp mà sanh ra. Một pháp thì vô tướng vậy. Vô tướng mà không có gì chẳng phải tướng gọi là thật tướng, tức thanh tịnh vậy, nói rõ ra ấy là chúng vậy.

Hỏi:

- Thế nào là Thiền sư ?

Đạo Tín đáp:

- Không bị tịnh loạn làm phiền não, đó là người dụng tâm Thiền tốt. Thường trụ ở tâm định thì hôn trầm, trụ lâu ở quán tâm thì tán loạn. Kinh Pháp Hoa nói: “Phật tự trụ tại đại thừa, pháp sở đắc là sức định huệ trang nghiêm, dùng đó mà độ chúng sanh”.

Hỏi:

- Làm sao có thể ngộ hiểu pháp tướng, tâm được minh tịnh ?

Đạo Tín đáp:

- Cũng chẳng niệm Phật, cũng chẳng nắm bắt tâm, cũng chẳng khán tâm, cũng chẳng tính toán, cũng chẳng suy nghĩ, cũng chẳng quán hạnh, cũng chẳng tán loạn, cứ thế vận hành tự nhiên cũng chẳng khiến đi, cũng chẳng khiến dừng, chỉ độc nhất thanh tịnh, rốt cùng là khiến tâm tự minh tịnh. Nếu xem cho rõ, tâm tức được minh tịnh. Tâm như gương sáng, hoặc sau một năm tâm vẫn minh tịnh, hoặc sau năm ba năm, tâm vẫn minh tịnh. Hoặc giả nhân nghe người nói giảng mà được ngộ giải, hoặc giả mãi mãi không cần nói giảng mà vẫn ngộ giải. Kinh nói: “Tâm tánh của chúng sanh, ví như ngọc quý chìm trong nước. Nước đục thì ngọc ẩn, nước trong thì ngọc lộ rõ”. Kẻ hủy báng tam Bảo, phá hòa hiệp Tăng, bị chư kiến phiến não làm ô uế, bị tham sân si điên đảo vì người làm nhiễm bản. Chúng sanh không giác ngộ tâm tánh xưa nay vốn thường thanh tịnh, cho nên học chấp ngộ không đồng nhau mới có sai biệt như thế. Nay xin nêu ra sơ lược căn duyên bất đồng. Làm thầy người ta thì phải giỏi phân biệt. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân tướng của Phổ Hiền giống như hư không, nương vào như như, không nương vào Phật giới. Khi giải ngộ thì Phật quốc đều Như, tức là quốc độ Như đều không nương”. Kinh Niết-bàn nói: “Có vô biên thân Bồ-tát. Thân lượng như hư không”. Lại nói: “Có ánh sáng rạng rỡ giống như trời hạ”. Lại nói: “Thân vô biên gọi là Đại Niết-bàn”. Lại nói: “Đại Bát Niết-bàn, tánh ấy rộng rãi”. Biết người học có bốn loại người: Hạng thượng thượng nhân có hạnh, có giải, có chứng. Hạng trung thượng nhân vô hạnh, có giải, có chứng. Hạng trung hạ nhân, có hạnh, có giải vô chứng. Hạng hạ hạ nhân, có hạnh, vô giải, vô chứng.

Hỏi:

- Bây giờ lấy gì làm quán hạnh ?

Đạo Tín đáp:

- Cứ để tự nhiên.

Lại hỏi:

- Có cần hướng về Tây phương không ?

Đạo Tín đáp:

- Nếu biết tâm xưa nay vốn không sanh, không diệt, rốt ráo thanh tịnh, thì đó là quốc độ của tịnh Phật. Rốt lại không cần nhắm Tây phương. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Vô lượng kiếp một niệm, một niệm vô lượng kiếp”. Nếu biết một phương là vô lượng phương. Vô lượng phương là một phương. Phật, vì chúng sanh độn căn mà khiến hướng về Tây Phương, chớ không vì kẻ lợi căn mà nói. Hành sâu hạnh Bồ-tát, vào sanh tử hóa độ chúng sanh mà không ái kiến. Nếu thấy chúng sanh có sanh tử, ta là năng độ chúng sanh là sở độ, không gọi là Bồ-tát. Độ chúng sanh như độ không. Độ không chưa từng có tới lui bao giờ. Kinh Kim Cang nói: “Diệt độ vô lượng chúng sanh mà thật ra chưa có chúng sanh nào được diệt độ”. Đó là sơ địa Bồ-tát, sơ chứng tất cả không, sau chứng đắc nhất thiết bất không, tức là trí vô phân biệt, cũng là sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới không mà đó là tánh sắc tức không, đó là Bồ-tát tu học lấy không làm chứng. Người học đời nay, thấy thẳng không. Đó là thấy không, chớ không phải là chân không. Kẻ tu đạo đắc chân không, không thấy không cùng chẳng không, chẳng có các kiến chấp, cần phải khéo hiểu nghĩa sắc không, người học cách dụng tâm, cần để tâm minh tịnh, ngộ giải pháp tướng, phân minh rõ ràng, sau đó mới đi làm thầy người ta. Lại phải trong ngoài tương xứng, lý hạnh không trái nhau, nhất quyết phải đoạn tuyệt chữ nghĩa, lời lẽ, vì Thánh đạo, chỉ có một chỗ tịnh là tự chứng đạo quả vậy. Lại cũng có người không hiểu cứu cánh pháp, vì danh mời, lợi rử giáo dẫn chúng sanh, không biết căn duyên sáng tối khác nhau, đều ấn khả, điều đó thật khổ thay. Khổ thay họa lớn. Hoặc thấy tâm dưng đã minh tịnh, liền ấn khả ngay, kẻ đó đại phá hoại Phật pháp, dối mình rồi dối người. Kẻ dụng tâm có giống và khác nhau như thế, đều là tướng mạo vậy. Chưa đắc tâm, hay thật sự đắc

tâm nếu tự biết phân biệt, về lâu sau pháp nhãn tự khai, phân biệt rõ ràng hư cùng giả. Hoặc có người chấp thân là chẳng có gì cả, tâm tánh diệt hết. Đó là kẻ đoạn kiến, cùng với ngoại đạo giống nhau, chẳng phải đệ tử Phật. Lại có kẻ chấp tâm là có, không diệt, đó là hạng thường kiến, lại cũng giống như ngoại đạo. Đệ tử Phật sáng suốt nay thì không chấp tâm tánh trụ hay diệt, thường độ chúng sanh. Chẳng dấy ái kiến, thường học trí tuệ, ngu trí coi ngang nhau, thường tại thiên định coi tịnh loạn như nhau. Thấy chúng sanh chưa từng có, cứu cánh không sanh, không diệt, nơi nơi hiện hình, chẳng có kiến văn, hiểu rõ mọi pháp chưa từng nắm bả, chưa từng phân thân mà thân thông khắp pháp giới. Lại khi xưa thiên sư trí Mãn thường dạy: Pháp học đạo thì hiểu biết và hạnh phải phù hợp nhau. Trước phải biết căn nguyên của tâm và các thể dụng, thấy lý rõ ràng không nhầm lẫn thì sau đó công việc mới thanh. “Hiểu một thì mọi cái hiểu theo, mê một thì muôn cái lầm lẫn” không phải là lời nói ngoa.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: “Pháp thân chư Phật, nhập vào mọi tâm tướng của chúng sanh”. Tâm này là Phật. Tâm này làm Phật. Nên biết Phật tức là tâm. Ngoài tâm không có Phật nào cả. Đại lược mà nói có năm loại. Thứ nhất: Biết thể của tâm, thể tánh thanh tịnh, thể cùng Phật đồng nhau. Thứ hai: Biết dụng của tâm, dụng sanh pháp bảo, làm mọi việc mà vẫn hằng tịnh, muôn hoặc đều như như. Thứ ba: Thường giác không ngừng. Giác tâm trước mặt, giác pháp vô tướng. Bốn là: Thường quán thân không tịch, nội ngoại thông đồng. Nhập thân vào trong pháp giới, chưa từng ngăn ngại. Thứ năm: Nắm cái duy nhất không dời đổi, động tịnh thường trụ, hay khiến kẻ học, thấy rõ Phật tánh, sớm vào cửa định.

Cái thấy nghe ban ngày, đều là việc ngoài thân còn trong thân thường không tịch. Giữ chuyên nhất không dời là lấy tịnh nhãn không tịch này chú ý tham cứu, chẳng là lúc đêm ngày, chuyên chú bất động, tâm nọ muôn lảng xãng phải mau mau nắm lại. Lấy dây cột chân chim

nó, muốn bay thì ghì lại, suốt ngày nhìn chừng không thôi, đương nhiên tâm tự định. Như người học bắn, trước nhắm bắn đại chuẩn, kế đó là nhắm tiểu chuẩn, kế đó nhắm đại đích, kế đó là nhắm tiểu đích, kế đó nhắm một sợi lông, kế đó phá sợi lông làm trăm phần, kế đó nhắm bắn 1/100 của sợi lông, kế đó mũi tên sau ghim mũi tên trước, thẳng băng nằm vững một hàng không để mũi tên nào rơi xuống. Các điều trên để ví dụ người tập luyện đạo, niệm niệm trụ tâm, tâm tâm kế tiếp thau, không tạm gián niệm, chánh niệm bất đoạn, chánh niệm hiện tiền. Lại Kinh chép: “Lấy mũi tên trí huệ bắn ba cửa giải thoát”. Mũi, mũi, mũi giữ nhau, không cho rơi xuống đất. Lại cũng như dùi cây để lấy lửa, nếu lửa chưa phùng lên mà đã ngừng tay, thì tuy mong có lửa, lửa nào có được. Lại như trong nhà có ngọc như ý, muốn cầu gì cũng được nấy, bỗng nhiên làm rơi mất, tiếc nhớ không lúc nào nguôi. Lại như tên độc ghim vào thịt, thân tên tuy rút ra mà mũi tên còn nằm trong đó. Như vậy thì phải chịu đau nhức không lúc nào nguôi được. Niệm niệm tại tâm, tình trạng cũng như thế. Phép bí yếu này không được truyền cho kẻ không ra gì, chẳng phải tiếc sên pháp không truyền nhưng chỉ sợ người trước không tin mà rơi vào tội hủy báng pháp, tức phải chọn lựa người, không được cầu thả đưng ai cũng truyền. Phải cẩn thận, cẩn thận lắm vậy ! Biện pháp tuy vô lượng, tu hành chỉ tại một lời nói, được ý phải quên lời. Một lời thôi cũng không bám mà dùng, từ xưa tới nay vốn không tịch, không sanh không diệt, bình đẳng không hai. Từ xưa tới nay vốn không có, rốt cùng tịch diệt. Từ xưa tới nay, thanh tịnh giải thoát. Chẳng kể đêm ngày, đi đứng nằm ngồi luôn chiếu cố, tức biết được tự thân như bóng trăng trong nước, như ảnh trong gương, như nóng trong ngọn lửa như tiếng vang nơi hang trống. Nếu nói là có, mà sao tìm nơi nào cũng không thấy. Nếu nói là không, thì sờ sờ tại trước mắt đó. Pháp thân chư Phật, đều là như thế. Tức biết rằng tự thân từ vô lượng kiếp đến giờ, rốt ráo chưa từng sanh. Từ nay trở đi, rốt ráo cũng không sanh tử. Nếu mà hay hành được như thế thì đó là chân thật sám hối. Dù ác nghiệp chất

chồng từ ngàn kiếp, muôn kiếp, cũng tự tiêu diệt. Duy trừ nghi hoặc rồi mà cũng không thể sanh lòng tin, người mà như thế thì không thể ngộ nhập. Nếu hành giả sanh lòng tin y theo đây tu hành thì không ai không được nhập vào chánh lý vô sanh. Lại nữa, nếu tâm duyên dị cảnh, lúc tâm duyên sanh chẳng từ mười phương đến, mà đi cũng chẳng có chỗ đi. Thường quán theo duyên, giác quán vọng thức tư tưởng tạp niệm loạn tâm không dấy, tức là đắc vô trụ. Nếu đã trụ tâm thì không còn duyên lự, tùy phần tịch định, tức được tùy phần ngừng các phiền não, do đó mà không tạo danh mới, được giải thoát. Nếu tâm kết phiền nhiệt, muôn loạn hôn trầm, cũng theo đó mà tan hết thì được thư thích, từ từ an ổn, khiến được tiện nghi, tâm tự an tịnh, chỉ cần tinh tấn mề như cứu lửa cháy đầu vậy, không được biếng trễ mà phải gắng sức, gắng sức. Mỗi khi tâm tánh tịch diệt thì tâm Thánh lộ rõ. Tánh tuy vô hình nhưng chí tiết luôn có mặt. U minh không cạn kiệt, thường tồn tại sự trong sáng, đó gọi là Phật tánh. Kẻ thấy Phật tánh, vĩnh viễn xa lìa sanh tử, gọi là người xuất thế. Do đó Kinh Duy Ma nói: “Bồ đề nhiên quay trở về gốc tâm”, lời ấy đáng tin thay. Kẻ ngộ Phật tánh, gọi là Bồ-tát nhân, cũng gọi là người ngộ đạo, cũng gọi là người thức lý, cũng gọi là người đắc tánh. Do đó mà Kinh nói: “Một câu liêm thân, bao kiếp không hoại”. Đây là phương tiện đầu tiên của người mới học cho nên biết rằng tu đạo có phương tiện. Đó là chỗ hiểu của Thánh tâm. Phạm phép xả thân, trước định cái tâm không không, khiến tâm cảnh tịch tịnh, ý tưởng vắng lặng sâu xa, khiến tâm không đòi đòi. Tâm tánh tịch tịnh, tức chặt đứt phan duyên, xa xăm mịt mờ, ngưng tịnh tâm lự, lặng bật vui vẻ biết bao, hốt nhiên khí dứt, trụ trong Pháp thân thanh tịnh, không thọ thân đời sau nữa. Nếu khởi tâm đánh mất chánh niệm, chẳng khởi thọ sanh. Đó tức là trước định tâm cảnh, là phép phải như thế. Ấy là tác pháp. Pháp bản không pháp, pháp không pháp, mới gọi là pháp. Pháp thì vô tác, pháp vô tác ấy là pháp chân thật. Do đó Kinh nói: “Không, vô tác, vô nguyện, vô tướng là giải thoát chân thật”. Do nghĩa đó nên pháp chân thật thì vô tác.

Pháp xả thân tức giả tướng thân hoành khán, tâm cảnh minh địa, tức dùng tinh thần sáng suốt thôi thúc, đòi hỏi.

Đại sư Tín nói:

- Trang Tử nói: “Trời đất là một ngón tay, vạn vật là một con bọ ngựa”. Kinh Pháp Cú chép: “Một cũng chẳng là một, chỉ là muốn phá ý niệm về số mà thôi”, kẻ trí cặn nghe nói cho một là một, do đó mà Trang Tử hãy còn vương về một vậy.

Lão Tử nói: “Xa xăm thay, mịt mờ thay, bên trong có tinh túy. Bên ngoài tuy mất tướng mà bên trong còn tồn tâm”.

Hoa Nghiêm nói: “Không vương nhị pháp, vì không có một, hai”. Kinh Duy Ma nói: “Tâm không ở trong mà cũng không ở ngoài không ở trung gian, tức là chứng”. Cho nên biết Lão Tử vương ở hiểu biết về tinh túy vậy. Kinh Niết-bàn chép: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Nói như thế thì tường vách, ngói, đá, nếu không phải Phật tánh, làm sao có thể thuyết pháp. Lại Thiên Thân Luận chép: “Ứng hóa không phải chân Phật, cũng không phải người thuyết pháp”.

(Theo **Lăng Già Sư Tử Ký**)

TỔ THỨ NĂM ĐẠI SƯ HOẰNG NHÃN

Tổ người Hoàng Long Mai (Kỳ Châu), họ Chu, sanh ra đã có dị tướng. Lúc trẻ, Tổ đi chơi gặp một trí giả than rằng: “Đứa trẻ này chỉ kém Như Lai có bảy tướng”. Sau ngài gặp đại sư Tín mà đắc pháp, nổi tự giáo hóa ở núi Phá Đầu.

Trong thời Hàm Hanh, có một cư sĩ họ Lư, tên Huệ Năng, từ Tân Châu đến ra mắt sư.

Tổ hỏi:

- Ông từ đâu tới ?

Lư đáp:

- Lĩnh Nam.

Tổ hỏi:

- Đến muốn cầu việc gì ?

Lư đáp:

- Chỉ cầu làm Phật.

Tổ hỏi:

- Người Lĩnh Nam không có Phật tánh, làm sao làm Phật được ?

Lư nói:

- Người thì có phân Nam Bắc, Phật tánh há cũng vậy sao ?

Tổ biết là một dị nhân, liền nạt rằng:

- Thân nhận xuống nhà sau đi.

Lư đánh lễ chân Tổ lui ra, rồi vào nhà già gạo, nhận việc đập cối lao nhọc, ngày đêm không nghỉ. Qua 8 tháng, Tổ biết lúc truyền phó Chánh pháp đã đến nên báo cùng môn đồ.

- Chánh pháp khó hiểu, không thể cứ theo lời ta mà lấy làm của mình. Các ông mỗi người hãy tùy ý làm một bài kệ, nếu ý, lời phù hợp, ta sẽ truyền cho cả y và pháp.

Lúc ấy, trong hội có hơn 700 ông tăng. Có thượng tọa Thần Tú là người uyên bác, học thông nội ngoại giáo điển, mọi người rất ngưỡng phục. Họ đều bàn nhau: “Nếu không suy tôn thượng tọa Tú thì trong bọn ta ai dám đảm đương”.

Thần Tú thầm nghe lời khen thì không cần suy nghĩ chi lâu, liền viết lên vách hành lang lời kệ:

Phiên âm:

Thân thị Bồ-đề thọ

Tâm như minh kính đài

Thời thời cần phát thức

Mạc khiến hữu trần ai.

Tạm dịch:

*Thân là cây Bồ-đề
Tâm như gương trong đài
Luôn cần phải lau quét
Chẳng để lấm trần ai.*

Tổ đi ngang qua nhìn thấy bài kệ, biết là của Thần Tú làm bèn khen ngợi rằng:

- Đời sau cứ theo đây mà tu hành, cũng được quả lớn.

Bức tường vốn muốn đề xử sĩ Lư Trân diễn họa tích Lăng Già Biến Tướng, đến khi Tổ thấy bài kệ rồi thì bỏ qua không bảo họa nữa, mà bảo mọi người cùng nhau niệm tụng.

Lư tại nhà già gạo chợt nghe có người đọc kệ liền hỏi một người đồng học:

- Bài văn gì vậy ?

Đồng học đáp:

- Ông không hay là Hòa thượng muốn kiếm người nối pháp nên bảo mọi người làm tâm kệ đó sao ? Đây là bài kệ của thượng tọa Thần Tú. Hòa thượng rất khen ngợi, ắt sẽ truyền thọ y - pháp cho thượng tọa.

Lư nói:

- Bài kệ thế nào ?

Đồng học đọc kệ cho nghe, Lư yên lặng một lúc nói:

- Hay thì có hay đấy, nhưng chưa được thấu suốt.

Đồng học nạt:

- Hàng tôi tứ ngu dốt mà biết gì, chớ có nói sàm !

Lư nói:

- Ông không tin sao ? Tôi xin làm bài kệ họa lại.

Đồng học không nói, chỉ nhìn Lư mà cười. Đến đêm, Lư ngấm bảo một chú tiểu dẫn tới chỗ bức tường hành lang, Lư cầm đuốc, nhờ chú tiểu viết giùm một bài kệ cạnh bên bài kệ của Thần Tú như sau:

Phiên âm:

Bồ-đề bốn phi thọ

Minh kính diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà giả phát trần ai.

Tạm dịch:

*Bồ-đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Cần gì phủi trần ai.*

Sau đó, Tổ đọc thấy kệ, nói:

- Kệ này ai làm đây, mà cũng chưa thấy được tánh.

Đồ chúng nghe Thầy nói nên cũng không màng tới bài kệ nữa.

Đến đêm, Tổ âm thầm sai người đến nhà già gạo triệu hành giả vào thất bảo:

- Chư Phật xuất thế là một việc trọng đại, nên tùy theo căn cơ cao thấp khác nhau mà hướng dẫn, cho nên mới có các chỉ ý mười địa, ba thừa, nhanh chậm làm Giáo môn. Nhưng Thế Tôn đã đem pháp môn vô thượng thâm diệu, trong sáng sâu xa là Chánh pháp nhãn tạng chân thực truyền đạt cho đệ tử thứ nhất là Đại Ca-diếp Tôn giả, lần lượt truyền qua 28 đời. Đến Tổ Đạt Ma thì sang tới Đông Độ này, được Khả đại sư nối tiếp đến hôm nay. Nay ta đem Pháp bảo cùng với Cà-sa trao lại cho ông. Hãy khéo giữ gìn, đừng để pháp đứt đoạn. Nghe ta đọc kệ:

Phiên âm:

Hữu tình lai hạ chủng
Nhân địa quả hoàn sinh
Vô tình ký vô chủng
Vô tánh diệc vô sanh.

Tạm dịch:

*Hữu tình đến gieo mầm
Nhờ đất trái nảy sinh
Vô tình đã không giống*

Không tánh cũng không sanh.

Lư hành giả quỳ xuống nhận lãnh y và pháp, bầm:

- Pháp, con đã nhận, còn y sẽ trao cho ai ?

Tổ nói:

- Xưa, lúc đầu Tổ Đạt Ma đến đây, vì chưa ai tin nên phải truyền y làm biểu minh đắc pháp. Nay tín tâm mọi người đã muôi, chiếc y sẽ là đầu mối tranh giành. Vậy nên đến ông thì dừng lại không truyền nữa. Ông nên đi xa ẩn lánh, đợi thời cơ mà hành đạo, bởi lẽ người nhận y, mạng như tơ mảnh.

Lư hỏi:

- Nên ẩn nơi đâu ?

- Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

Lư đánh lễ chân Tổ xong, mang y đi khỏi.

Ngay đêm ấy, ngài đi xa về phương Nam, mọi người không ai hay biết.

Từ đó về sau ba ngày liên tục Ngũ Tổ không lên giảng pháp nữa. Mọi người kinh ngạc nghi ngờ đến hỏi. Tổ bảo:

- Đạo ta đi rồi ! Còn hỏi gì nữa ?

Lại hỏi:

- Ai được y, pháp ?

Tổ đáp:

- Năng hành giả đã được.

Đồ chúng bàn luận, Lư hành giả kia tên là Năng, bèn đồ nhau tìm nhưng không thấy đâu, do đó mới biết đích thực là người ấy đã được pháp, y bèn cùng nhau đuổi theo.

Trải bốn năm sau, đến niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai, ngài bỗng cáo cùng đồ chúng:

- Việc ta nay đã xong, đến lúc phải đi thôi.

Bèn vào thất, ngồi an nhiên tịch diệt, thọ 74 tuổi. Tháp dựng tại Đông Sơn, Hoàng Mai.

Vua Đại Tông thụy phong ngài là Đại Mãn Thiên sư, pháp hiệu Pháp Vũ.

PHẦN PHỤ LỤC

I. Có người lại hỏi:

- Người học tập Phật pháp sao không ở chốn thành thị, tại nơi mọi người tụ tập, mà phải cư trú chốn núi non ?

Sư (Hoằng Nhãn) đáp:

- Cây gỗ dùng để cất nhà lớn, bôn lai phải xuất xứ từ sơn cốc âm u, không thể ở tại nơi người tụ hội mà trưởng thành. Bởi vì xa nhân quần thì không bị dao búa chặt róc tổn thương, có thể từ từ lớn lên thành đại thọ, ngày sau mới có thể dùng làm rường cột. Do đó mà người học tập Phật pháp nên ở tại hang hốc mà di dưỡng tinh thần, xa lánh trần thế phiền não huyên náo, nên tại chốn núi sâu tu dưỡng tính tình, lâu dài từ biệt tạp nhiễm của thế tục. Trước mắt không có tục vật, trong tâm tự nhiên an ninh. Việc học Thiên giống như trồng cây, khiến cho ra hoa kết quả.

Hoằng Nhãn đại sư lúc ấy thường an nhiên ngồi nghiêm không dùng chữ nghĩa soạn thành sách, chỉ dùng miệng nói thiên lý, điềm nhiên dạy dỗ người khác.

(Theo **Ngũ Đẳng Hội Nguyên** quyển 1)

II. Tổ thứ năm Hoằng Nhãn Đại Sư, người Kỳ Châu Hoàng Mai, lúc đầu Tổ là đạo nhân trồng tùng tại núi Phá Đầu.

Ngài có lần bầm với Tứ Tổ:

- Con có thể nghe được đạo pháp không ?

Tổ nói:

- Ông đã già lão, nếu có nghe há có thể truyền bá rộng rãi ư ? Nếu như tái sinh được thì ta sẽ chờ ông.

Ngài nghe xong bèn ra đi, đến bờ sông thấy một cô gái đang giặt đồ. Hỏi:

- Tôi xin nghỉ nhờ ở cô được không ?

Cô gái nói:

- Tôi còn có cha mẹ, ông đến hỏi xem.

- Được, tôi xin đi ngay.

Thấy cô gái gật đầu bằng lòng, ngài liền chống gậy trở đi.

Cô gái là con gái út nhà họ Châu. Sau khi trở về không lâu thì mang thai. Cha mẹ tức giận phải đuổi đi. Cô gái không nơi nương tựa, ban ngày đi phụ đánh sợi mướn, tối đến ngủ nhờ dưới thềm xưởng. Sau đó sinh ra đứa con trai, cho là điềm không may nên quăng xuống sông. Hôm sau ra xem thấy đứa bé nổi trôi ngược dòng nước, trông rất tươi tắn khỏe mạnh, cô hết sức kinh ngạc nên lại bế lấy.

Lớn lên thành trẻ con, đứa bé theo mẹ xin ăn, mọi người trong xóm gọi là thằng nhỏ không họ. Gặp một trí giả, ông ta than rằng:

- Đứa bé này chỉ kém Như Lai có bảy tướng thôi.

Sau đó gặp Đạo Tín Đại Sư và đắc Pháp. Ngài nói giọng truyền bá đạo pháp tại núi Phá Đầu.

III. Tổ đời thứ năm:

Triều Đường, Thiền sư ở chùa U Cư núi Song Phong Kỳ Châu tên húy Hoằng Nhẫn, là người kế thừa thiền sư Đạo Tín. Nhẫn đại sư truyền pháp nhiệm mầu, được người đời tôn kính gọi là pháp môn Đông Sơn. Lại vì đạo tục ở Kinh, Lạc đều ngợi khen Đông Sơn Kỳ Châu có nhiều người đắc quả, nên mới thành tên pháp môn Đông Sơn.

Lại có người hỏi:

- Kẻ học đạo tại sao không nên ở xóm làng thành thị mà phải trên núi ?

Ngài đáp:

- Cây gỗ để dựng nhà lớn, vốn từ rừng sâu mà ra chớ không có nơi nhân gian. Do ở xa con người nên không bị dao búa chặt đẽo thương tổn. Sau khi thấy thấy đã thành cây to mới kham nổi dùng làm rường cột, do đó mới biết rằng gởi thân ở hang sâu là xa lánh bụi bặm. Còn dưỡng

tánh nơi núi cao thì tránh xa thói tục. Trước mắt không có vật gì thì tâm tự an ninh. Từ đó cây đạo trở bông, rừng Thiên ra trái vậy.

Đại sư Hoằng Nhẫn, nghiêm trang tĩnh tọa, không viết sách vở. Miệng nói huyền lý, mặc nhiên truyền trao cho người.

- Chôn nhân gian còn truyền lại một quyển, người đời cho là do Nhẫn đại sư tuyên thuyết, đây là lời nói ngoa vậy. Theo Hòa thượng ở Thọ Sơn An châu tên húy là Trách soạn sách “Lăng Già Nhân Pháp Chí” chép thì Nhẫn đại sư họ Chu, ông cha là người Tầm Dương đến ngụ ở huyện Hoàng Mai. Cha mất sớm, sư thờ mẹ chí hiếu. Bảy tuổi thờ Đại sư Đạo Tín. Từ khi xuất gia, sư trụ ở chùa U Cư, siêng năng học hỏi, hoài bảo trình thuận, ngậm kín miệng không nói chuyện thị phi của người, dụng tâm chôn sắc không, lao lực để cúng dường, bạn đạo đều nhờ chỗ đầy đủ của sư. Điều phục tâm để nhằm đầy đủ oai nghi, sư riêng rành quán chiếu, đi đứng nằm ngồi đều là đạo trường. Tam nghiệp đều là Phật ứng tiếp hàng ngàn người, chẳng chiếu theo văn mà nghĩa phù hợp huyền chỉ. Lúc bấy giờ có Thiên sư Thần Tú ở Kinh Châu, vâng làm cao đồ, tự nhận phó chúc.

Năm đầu niên hiệu Hàm Đình, Huyền Trách đến núi Song Phong, tuân thừa dạy dỗ. Vâng theo sai bảo, trước sau hết năm năm, ba lần tới lui hầu hạ, đạo tục đều tề tựu, chung sức cúng dường, mong chờ khai thị nghĩa kinh Lăng Già rằng: “Kinh này chỉ có tâm chứng mới biết, chẳng phải chữ nghĩa chú giải được”. Tháng hai niên hiệu Hàm Hanh thứ năm, Sư bảo nhóm Huyền Trách xây tháp, cùng các môn nhơn vận chuyển đá vuông ở thiên nhiên, chồng chất lên đẹp đẽ to lớn. Ngày mùng 4 tháng 10 sư hồi tháp xong chưa. Môn nhơn đáp xong rồi, sư liền nói:

- Không thể tịch cùng ngày với Phật nhập Niết-bàn.

Bèn lấy tháp làm chùa. Lại nói:

- Như ta đây một đời dạy biết bao nhiêu người, kẻ giỏi giờ đã mất hết. Sau này truyền đạo ta, chỉ có mười người thôi. Ta cùng Thần Tú, luận kinh Lăng Già, huyền lý đều thông suốt, tất lợi ích rất nhiều.

Trí Sân ở Tụ châu, Lưu chủ bạ ở núi Bạch Tòng đều gồm đủ văn tính. Tuệ Tạng ở Tân Châu. Huyền Ước ở Tuy Châu, tiếc không thấy đâu. Lão An ở Tung Sơn, có đạo hạnh thâm sâu. Pháp Như ở Lộ Châu. Huệ Năng ở Thiều Châu, tăng nước Cao Ly Trí Đức ở Dương Châu, đều có thể làm thầy người nhưng mà mỗi nhân vật ở một phương. Nghĩa Phương ở Việt Châu, có khả năng giảng nói. Lại nói với Huyền Trách rằng:

- Ông gồm đủ hạnh, nên tự khéo bảo trọng. Sau khi ta tịch, ông cùng Thần Tú, nên làm cho Phật nhứt rạng ngời trở lại. Tâm chúng trùng chiếu.

Ngày 16 tháng đó hỏi:

- Ông nay đã hiểu tâm ta chưa ?

Huyền Trách kính cẩn bạch:

- Không biết.

Đại sư liền dùng tay chỉ mười phương, nhất nhất thuật cách chứng tâm xong, trong ngày 16, ngời xây mặt về hướng Nam, nhắm mắt qua đời, hưởng thọ 74 tuổi. Di thể chôn trong tháp ở núi Phùng Mậu, đến nay hãy còn như xưa. Lưu Tử Sản ở Phạm Dương, họa hình sư trên vách chùa An Châu. Binh bộ thượng thư Lý Huỳnh Tú ở Lũng Tây làm bài tán rằng: “Ôi thôi thượng nhân. Khế ngộ chân đạo, Nhiếp tâm tuyệt trí, cao ngộ thông thần, chứng quả vô sanh, Hiện diệt đồng trần. Nay đã đổi thay. Bao giờ gần gũi”.

Đại sư nói:

- Có một căn nhà, bên trong toàn cột đá cỏ rác dơ bẩn, thì đó là vật gì ?

Lại nói:

- Quét dọn mọi thứ cột đá, cỏ rác dơ bẩn, không thứ gì còn, thì đó là vật gì ?

Lại nói:

- Chính lúc ông chứng đại Pháp thân, thì ai kiến chứng ?

Lại nói:

- Có 32 tướng tốt của Phật. Bình nước có 32 tướng tốt đó không ? Cây lộ trụ cũng có 32 tướng tốt đó không ? Cho đến đất, cây, ngói, đá cũng có 32 tướng tốt đó không ? Nếu đem lửa đốt, dài ngắn gì đốt quách thì thử hỏi cái gì là dài, cái gì là ngắn chớ ? Lại thấy người đốt đèn, tạo tác mọi vật đều hỏi: “Kẻ đó tạo mộng hay tạo thật ?”. Hoặc có khi nói không tạo, không tác thì mọi vật đều Đại Bát Niết-bàn.

Lại nói:

- Hiểu rõ sanh tức là pháp vô sanh, chẳng phải ly sanh mới có pháp vô sanh. Ngài Long Thọ nói: “Chư pháp không tự sanh mà cũng chẳng từ cái khác sanh ra, chẳng cộng sanh mà cũng chẳng không có nhân, cho nên biết vô sanh”. Nếu các pháp theo duyên sanh thì là không có tự tánh. Mà nếu không có tự tánh thì làm sao có pháp ?

Lại nói:

- Hư không chẳng ở giữa và hai bên. Thân chư Phật cũng thế. Ta ẩn khả ông thấy rõ chỗ Phật tánh là thế.

Lại nói:

- Trong lúc ông đang tọa Thiền trong chùa, thì ở dưới tàng cây trong rừng núi cũng có thân ông tọa thiền không ? Tất cả đất, cây, ngói, đá cũng có thể tọa thiền không ? Đất cây ngói đá cũng có thể thấy sắc nghe tiếng, mặc y, ôm bát không ? Kinh Lăng Già nói: “Cảnh giới Pháp thân là đây vậy”.

(Theo **Lăng Già Sư Tử Ký**)